

Mục Lục

Chương Một: Khái lược về nhân văn

- I. Thời Cổ đại và Ngã ba Việt
- II. Địa lý và quố c hi u
- III. Thời c đ đ ng v văn hóa Việt t c

Chương Hai

- I. Thời đ i Thái c (tr c Th K 29 tr.D.L.)
- II. Thời đ i H ng Bàng (2879 tr.D.L. 257 tr.D.L.)
- III. Thời Th c (257 tr.D.L. 207 tr.D.L.)
- IV. Thời Tri u (207 tr.D.L. - 111 tr.D.L.)
- V. Thời k b Tàu đô h (111 tr.D.L. - 39) (L n th nh t)
- VI. Thời N v ng h Tr ng (40-43)
- VII. Thời k b Tàu đô h (43-544) (L n th hai) - Bà Tri u
- VIII. Thời Lý (544 - 602)
- IX. Thời k b Tàu đô h (603-939) (L n th ba)
- X. Thời Ngô (939 - 965)
- XI. Thời Đinh (968 - 980)
- XII. Thời Lê (980 - 1009) (Ti n Lê)
- XIII. Thời Lý (1009 - 1225) (H u Lý)
- XIV. Thời Tr n (1225 - 1400)
- XV. Thời H (1400 - 1407)
- XVI. H u Tr n Kháng Chi n Ch ng Tàu (1407 - 1413) (H u Tr n)
- XVII. Thời k b Tàu (nhà Minh) đô h (1414 - 1427)
- XVIII. Thời Lê (H u Lê) (1428 - 1527)
- XIX. Thời Lê - M c tranh quy n (1527 - 1592)
- XX. Thời Lê trung h ng (1592 - 1788)
- XXI. Thời Tây S n (1788 - 1802)
- XXII. Thời Nguy n (1802 - 1884)
- XXIII. Pháp Xâm Chi m Việt Nam
- XXIV. Nh t tranh quy n đô h v i Pháp Việt Nam
- XXIII. Pháp Xâm Chi m Việt Nam

Lịch sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Ngày 26 Tháng 2 Ngày 2009 13:23

A. Chiến tranh xâm lược (1858 - 1884)

B. Thời kỳ đô hộ (1884 - 1945)

1. Chính Sách Thực Dân
2. Công Cuộc Kháng Pháp Của Dân Tộc Việt Nam

A. Chiến tranh xâm lược (1858 - 1884)

1. Ba lần Miến Đông Nam kỳ bắt đầu (1862)
2. Ba lần Miến Tây Nam kỳ bắt đầu (1867)
3. Pháp đánh Bắc kỳ lần thứ nhất (1873)
4. Pháp đánh Bắc kỳ lần thứ hai (1882)

B. Thời kỳ Pháp Đô Hộ (1884 - 1945)

1. Chính sách thực dân
2. Công cuộc kháng pháp của dân Việt Nam

1a. Chính sách thực dân

2a. Công Cuộc Kháng Pháp Của Dân Tộc Việt Nam

a* Miền Nam

b* Miền Trung

c* Phong Trào Đông Du

d* Phong Trào Duy Tân

e* Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên

f* Việc Ném Tờ Đốt Sà Đòn, Cuộc Ngũ Châu

g* Cuộc khởi nghĩa Yên Bái

h* Cuộc Khởi Nghĩa Lâm Sơn

i* Các Địch Phái, Tộc Chủng Chính Trị Khác.

Chức năng M: Khái lược về nhân văn.

III. Đặc điểm văn hóa Việt tộc.

Việt Nam là một nước văn hiến lâu đời. Văn hoá Việt đã đạt mức cao cả xa xưa nên duy trì được bản sắc và giá trị văn hoá của dân tộc. Văn minh Việt là nền văn minh nhân tính, đó là đặc trưng của văn minh nông nghiệp. Lý chính của văn hoá Việt là tâm linh, là sự quân bình tình lý. Văn hoá Việt là nền văn hoá nhân bản, đạt đến ý thức hoà đồng, trí

và đất. Đất đai là lý nhân hoà, thích ứng để cưu nuôi sinh vật và con người. Nhưng sau khi u thắng trở lại của lịch sử, lập về của nền văn hoá Việt đã bị sự tàn phá của các nền văn minh du mục phương bắc và văn minh phù đổng tây phương cổ sơ cướp phá, tuy vậy sự phá phách này chỉ mới làm sự tàn phá lập về mà thôi.

Chương Hai

I. Thời kỳ Thái cổ (trước Công Nguyên 29 tr.D.L.)

Thời kỳ rất xa xưa có những bầy cư trú tại vùng bao quanh châu thổ sông Hồng. Lúc đó châu thổ còn là vùng biển, mực nước cao hơn hiện nay 50 mét. Các bầy cư dân sống rải rác trên vùng cao (có một số nơi là cao hơn mực nước biển hiện tại 50 mét), tập trung ở Trống Sỏi Hoàng Liên Sơn và bao quanh các dãy núi Bắc Sơn, Ngân Sơn và quanh các núi có cư dân nông nghiệp. Khoảng thời gian đó cách nay chừng một triệu năm. Mỗi vài sau có hai trung tâm phát triển mạnh mẽ là Hoà Bình và Bắc Sơn. Thời gian này cách nay khoảng 60 ngàn năm tới 40 ngàn năm.

Các người tiền sử sống bằng săn thú và hái lượm. Phương tiện lúc đầu là tay chân, sau biết dùng xương thú vót làm tăng khả năng của tay để phát triển công cụ thô sơ. Dần dần người tiền sử biết dùng lửa, nhờ đó đời sống quy củ hơn.

Khi nước biển rút dần thì mực nước tại những chỗ ngập chừng 40 ngàn năm trước các bầy cư dân sống ở vùng cao và tập hợp sinh tại vùng châu thổ sông Hồng. Lúc đầu vùng châu thổ còn nhiều đầm lầy, rừng rậm và hươu hươu săn để cho ăn, người tiền sử vẫn săn thú và hái lượm.

Khi đất đai ngập lụt, các bầy này sống bằng trồng lúa gạo. Đó là thời kỳ mở đầu cho nông nghiệp; văn minh nông nghiệp mạnh mẽ. Trong suốt thời gian hợp sinh tại châu thổ khoảng 40 ngàn năm trước các bầy cư dân giao thoa trong khoảng thời gian chừng 30 ngàn năm rồi hình thành một chủng tộc là Việt tộc. Việt tộc đã tạo nên nền văn minh nông nghiệp đầu tiên trên thế giới khoảng 15 ngàn năm trước công nguyên (văn minh Hoà Bình: đá khoảng 20 ngàn năm trước công nguyên lập nền nông nghiệp khoảng 15 ngàn năm tr.D.L. đồ gốm khoảng 10 ngàn năm tr.D.L.). Địa bàn căn bản là châu thổ sông Hồng. Văn hoá Việt đã được xây dựng dần dần trở thành nền văn hoá tâm linh và dân Việt là một dân tộc văn

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Ngày 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

hiện tại xa xưa.

III. Thời Thục (257 tr.D.L. - 207 tr.D.L.)

Năm 257 tr.D.L. Thục Phán thống vua Hùng thế 18. Lên ngôi lấy hiệu An Đông, đặt tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê, nay thuộc Đông Anh, tỉnh Vĩnh Yên.

Để phòng bị giặc phương bắc, vua An Đông cho xây thành Cổ Loa rất kiên cố. Thành có ba vòng quanh xoay vào trung tâm như tròn ốc nên cũng gọi là Loa Thành.

Về sau, Triệu Đà là tướng của Tàu ở vùng Nam Hải (nay thuộc tỉnh Quảng Đông của Tàu) kéo quân sang Âu Lạc đánh phá khiến người Lạc không chịu nổi. Triệu Đà bèn lập mưu cầu hòa, cho con là Trọng Thủy sang nước Việt xin cưới công chúa Mỵ Châu, rồi lập mưu đánh úp. Vua An Đông bị bắt, chết, con trai Mỵ Châu (Thanh Hoá) thì tự tử (207 tr.D.L.).

IV. Thời Triệu (207 tr.D.L. - 111 tr.D.L.)

Sau khi chiếm được Âu Lạc, Triệu Đà sát nhập Âu Lạc vào quận Nam Hải (nay thuộc Quảng Đông của Tàu) và quận Quế Lâm (nay thuộc Quảng Tây của Tàu) để lập thành nước Nam Việt. Nhờ học được văn hoá Việt, Triệu Đà biết tính cần lao của người Lạc, nên tách ra khỏi thành nhà Tần của Tàu, rồi đem nhập kẻ đi đi với dân Việt, bèn lập nước riêng và lên làm vua lấy hiệu là Triệu Vũ Đế, đóng đô ở Phiên Ngung (nay thuộc tỉnh Quảng Tây của Tàu). Triệu Đà chia nước Âu Lạc thành hai quận Giao Chỉ (Bắc Việt) và Giao Châu (Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh). Triệu Đà mất (137 tr.D.L.), nhà Triệu còn truy cập thêm được bốn đời vua

- Triệu Văn Đế (Hải) 137 tr.D.L. - 125 tr.D.L.
- Triệu Minh Đế (Anh Tông) 125 tr.D.L. - 113 tr.D.L.
- Triệu Ai Đế (Hải) 113 tr.D.L. - 112 tr.D.L.
- Triệu Dục Đế (Kiến Đức) 112 tr.D.L. - 111 tr.D.L.

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Năm 2009, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Vào đời Ai Vọng, thái hậu Cù Thục xúi vua dâng nộp cho nhà Hán, rồi thái hậu Lưu Gia bèn giết vua cùng thái hậu rồi lập người khác mà vua Ai Vọng là Kiến Đế (mà vua Kiến Đế là người Việt) lên ngôi, gọi là Đế Vọng, đời cùng bấy kỳ chúng nhà Hán, những thế lực không đời nên năm 111 trước công nguyên lịch sử thái hậu Hán là Lưu Bác Đế đánh chiếm miền bắc.

V. Thời kỳ Bắc Tào đô hộ (111 tr.D.L. - 39) (Lịch sử nhất)

Nhà Tây Hán (vua Tào) chiếm miền bắc Nam Việt, đời tên là Giao Chỉ Bắc và chia thành 9 quận, riêng phía bắc Âu Lạc cũ gồm ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Giao Chỉ Bắc đặt dưới quyền cai trị của một Thái Thú, mỗi quận có một Thái Thú cai quản. Các địa phương, các Lạc Hưu, Lạc Tộc người Việt vẫn được giữ chức cũ như hàng năm phải nộp thóc lúa và phẩm vật cho các quan Tào. Các Thái Thú và Thái Thú người Hán lúc đó hầu hết rất bạo tàn.

VI. Thời kỳ Bắc Tào đô hộ (40-43)

Vào thời Tô Đĩnh làm thái thú quận Giao Chỉ, một thời lãnh người Việt tên là Thi Sách vì mưu vi phạm của Tào mà bị giết.

Về Thi Sách là Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị tập hợp ý chí cách mạng, phát khởi nghĩa đánh Tào giành độc lập. Hai bà được dân chúng khắp nơi hưởng ứng, chiếm lĩnh được 65 thành trì và đánh đuổi quân Tô Đĩnh về Tào. Hai bà xưng vương năm 40, đóng đô ở Mê Linh (nay thuộc tỉnh Phúc Yên). Nhà Hán phải sai một danh tướng tên là Mã Viện sang đánh. Hai bà yếu thế, thất trận, rút về sông Hát vào năm 43.

Ngày nay ở làng Đĩnh Nhân, huyện Hà Nội, có đền thờ hai bà. Ngày kỷ niệm hai bà Trưng là ngày mừng 6 tháng hai âm lịch hàng năm.

VII. Thời kỳ Bắc Tào đô hộ (43-544) (Lịch sử hai)

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Ngày 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

A. Việc đô hộ khốc nghiệt

Thời kỳ Mã Viện chiếm đóng Giao Châu, chế độ đô hộ của Đông Hán là càng khốc nghiệt hơn. Giao Châu thành Giao Châu. Các tộc họ, tộc trưởng đều bị mất quyền hành, Giao Châu bị chia thành nhiều huyện, do các huyện làm nhiệm vụ Tầu cai trị.

Đời sống dân chúng rất khốn khổ vì bị bóc lột hành hạ, bóc lột đến tận cùng.

B. Bà Triệu khởi nghĩa (248)

Năm 248, Bà Triệu khởi nghĩa ở quận Cửu Chân, đánh thắng quân Tầu nhiều trận, khiến chúng khiếp sợ, nên gọi là bà là Lạc Hổ hoặc Bà Vương. Nhưng vì quân ít, thiếu cô, bà Triệu bị thất trận, chuyển tới làng Bồ Đề (Thanh Hoá) thì tử nạn. Ngày nay tại đó còn có đền thờ Bà Triệu.

VII. Thời Lý (544 - 602)

- Lý Nam Đế 544 - 549
- Triệu Việt Vương 549 - 571
- Hậu Lý Nam Đế 571 - 602

Năm 541 Lý Bôn khởi nghĩa đánh đuổi quân Tầu, chiếm đóng Long Biên, thành Tiêu Tương phải chuyển trận về Tầu.

Năm 544, Lý Bôn lên ngôi vua, lấy hiệu là Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân.

Nhà Lương bên Tầu sai Trấn Bá Tiên sang gây chiến, Lý Nam Đế phải lui về Khuất Lyêu (Hồng Hoá) và trao quyền cho Triệu Quang Phục. Thấy thế giặc mạnh, Triệu Quang Phục bèn lập căn cứ ở đầm Dạ Trạch (phố Khoái Châu tỉnh Vĩnh Yên) và dùng lối đánh du kích khiến quân Tầu

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Ngày 26 Tháng 2 Ngày 2009 13:23

phối trí, rồi chiếm lĩnh kinh đô. Lúc đó Lý Nam Đế bỏ kinh đô, Triệu Quang Phục lên ngôi, xưng là Triệu Việt Vương, năm 549. Năm 571 Lý Phật Tử cướp ngôi của Triệu Việt Vương, rồi xưng là Hồ Lý Nam Đế.

Năm 602, quân Tàu kéo sang đánh phá, Lý Phật Tử chạy về phía hàng giặc.

IX. Thời kỳ Bắc Tào đô hộ (603-939) (Lần thứ ba)

Thời kỳ này các quan lại Tàu rất khắc nghiệt. Năm 679, nhà Đường cướp ngôi của Tào thì đặt An Nam Đô Hộ Phủ ở Giao Châu, đặt gia tăng bóc lột hà hiếp dân chúng. Khắp nơi trong nước, dân chúng nổi lên chống Bắc Tào đô hộ.

A. Mai Húc Đế khởi nghĩa ở Châu Hoan (Nghệ An) (722)

Mai Thúc Loan khởi binh đánh Tào, chiếm lĩnh vùng châu Hoan (Nghệ An) năm 722, rồi xưng Hoàng Đế, người đời thường gọi ông là Mai Húc Đế. Ông liên kết vây cánh với Lâm Nhật và Chân Lạp, nhờ giúp đỡ chuồn bèn chĩa súng thì ông bỏ trốn, rồi mắc bẫy nhử mà mất.

B. Cuộc khởi nghĩa của Bô Cái Đế ở Việt Nam (791)

Năm 791 Phùng Hưng khởi nghĩa chiếm lĩnh các phủ đô hộ rồi đưa sang việc cai trị, được mọi người ủng hộ. Dân chúng lập đền thờ tôn ông là Bô Cái Đế ở Việt Nam.

Con Phùng Hưng lên cầm quyền nhưng thấy quân Tàu (lúc đó là nhà Đường cướp ngôi của Trung Hoa).

C. Hồ Khúc Duy Nghĩa (906 - 923)

Vào cuối đời Đường, nước Tàu rớt loạn, thiên hạ loạn dân Việt khởi nghĩa khắp nơi, Tiết độ sứ thời bấy giờ phản chiếu về Tà. Năm 906 dân chúng tôn Khúc Thừa Duyệt ở Hoàng Châu (Hải Dương) lên làm tiết độ sứ. Nhà Đường vì suy yếu phải thu xếp phong cho Khúc Thừa Duyệt. Cai trị được mấy năm thì ông mất, con là Khúc Hạo lên thay. Sớm sang lại việc cai trị như mấy nước trước. Năm 917 Khúc Hạo mất, Khúc Thừa Mân lên nối nghiệp. Năm 923, quân Tàu Nam Hán sang đánh chiếm Giao Châu, rồi sai Lý Tiễn làm thay.

X. Thời Ngô (939 - 965)

- Thời Ngô Vượt 939 - 944
- Đường Tam Kha 945 - 950
- Hậu Ngô Vượt 950 - 965
- Loạn 12 Sứ Quân 945 - 967

Năm 931, tiết độ cũ của họ Khúc là Đường Diên Nghiễm nổi lên đánh đuổi quân Nam Hán, rồi tiếp quản làm tiết độ sứ. Cai trị được 6 năm thì bị bắt tiết độ là Kiều Công Tiễn ám sát để cướp quyền.

Con rể của Đường Diên Nghiễm là Ngô Quyền mang quân từ châu Ái (Thanh Hoá) ra báo thù. Kiều Công Tiễn bị thua bèn chạy về Nam Hán. Ngô Quyền giết Tiễn rồi tiến binh phá tan quân Nam Hán trong trận sông Bạch Đằng, chém đứt thớt gỗ bịt đầu dòng, lập lại nền độc lập cho nước Việt.

Năm 939 Ngô Quyền lên làm vua, đóng đô ở Cổ Loa (Phúc Yên). Vua Ngô Quyền sớm sang việc cai trị, tổ chức chế độ quân chế và thiết lập nền độc lập vững bền, nhưng mấy vì được 5 năm thì mất. Con là Ngô Xương Ngập lên ngôi, nhưng lại bị cướp là Đường Tam Kha (em rể của Ngô Quyền) cướp ngôi (945). Em Ngô Xương Ngập là Ngô Xương Vãn đi tỵ nạn Đường Tam Kha (950) rồi hai anh em cùng làm vua, xưng là Hậu Ngô Vượt. Đến năm 965, Nam Tấn Vương Ngô Xương Vãn bị chết trận ở Thái Bình. Thế lực vua Ngô càng ngày càng suy yếu, thế hào các nòi nổi lên tranh cướp quyền hành, chia nước thành 12 vùng cai trị riêng biệt, thế lãnh mấy vùng xưng là sứ quân. Thời này có câu ca Việt gọi là "Loạn 12 Sứ Quân".

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Thư mục: N, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Loài nở bắt đầu năm 945, mãi tới năm 967, Đinh Bộ Lĩnh mới chấm dứt được.

XIII Thế kỷ Đinh (968 - 980)

- Đinh Tiên Hoàng 968 - 979

- Đinh Tuệ 979 - 980

Đinh Bộ Lĩnh là một vị tướng tài ba, dẹp tan loạn 12 Sứ Quân năm 968, lập nên triều đại nhà Đinh.

Đinh Bộ Lĩnh quê ở Hoa Lư (nay thuộc tỉnh Ninh Bình), con của Đinh Công Trứ làm thủ lĩnh châu Hoan dưới thời nhà Ngô. Ngay khi còn bé đã tỏ ra có mưu trí hơn người, lớn lên theo giúp và làm con nuôi sứ quân Trùng Lãm. Khi Trùng Lãm mất, Đinh Bộ Lĩnh đem quân về Hoa Lư để rèn luyện. Khi các binh đánh các sứ quân, triều nào cũng thường tôn là Vua Thập đạo. Trong vòng một năm, dẹp tan loạn 12 sứ quân.

Năm 968 Vua Thập đạo lên ngôi, lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đổi tên nước là Đại Cồ Việt, lập đô ở Hoa Lư. Đinh Tiên Hoàng sáng suốt, thiếp lập triều quy, tổ chức quân đội, đặt hình luật rất nghiêm khắc.

Vì muốn yên một nước, với lợi thế ở nhà Tống bên Tàu đang mạnh, Đinh Tiên Hoàng cho con sang triều cống nhà Tống để giữ tình hòa hảo. Năm 972 Tống vua phong Đinh Tiên Hoàng là Giao Chỉ quốc vương.

Đinh Tiên Hoàng làm vua được 12 năm thì bị tên cướp Đỗ Thích ám sát năm 979. Con nhỏ là Đinh Tuệ được lập làm vua, nhưng chỉ được một năm thì bị truất ngôi.

XIV Thế kỷ Lê (980 - 1009) (Tiền Lê)

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Ngày 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

- Lê Đại Hành 980 - 1005
- Lê Trung Tông 1005
- Lê Long Đĩnh 1005 - 1009

Cuối đời Đinh Tiên Hoàng, nhà vua chán ham mê thú săn bắn, rời bỏ ám sát cùng với thái tử Đinh Ly năm 979. Đinh Tuân mới 6 tuổi được lập làm vua, nhiếp quyền hành về tay Thủ lĩnh quân Lê Hoàn.

Năm 980, nhà Tống của Tào Tháo mang quân sang đánh nước Việt. Lê Hoàn được triều đình tôn lên làm vua để lo việc chống ngoại xâm. Quân Tào kéo sang theo đường sông Bạch Đằng. Nghe tin Chi Lăng thì đem binh của Tào vua Lê Đại Hành đánh tan, thu quân Tào thây và y học phẩm rút lui. Vua Tống thây đánh không được phải tôn phong vua Lê Đại Hành là Giao Chỉ Quốc Vương để giữ tình hòa hảo (993). Vua Đại Hành lại đánh phá quân Chiêm ở phía nam, khiến nước này phải thần phục năm 982.

Vua Đại Hành mất năm 1005, các hoàng tử tranh giành ngôi vua, thái tử Long Việt lên ngôi, nhiếp chính được 3 ngày thì bị em là Long Đĩnh sai người ám sát để cướp ngôi. Long Đĩnh lên ngôi năm 1005, là người rất hung ác, đam mê thú săn bắn và binh học. Khi người triều đình phản. Người trong nước gọi ông là Lê Ngô Triều Long Đĩnh chết năm 1009.

XII Thế kỷ Lý (1009 - 1225) (Nhà Lý)

- Lý Thái Tổ 1010 1028
- Lý Thái Tông 1028 1054
- Lý Thánh Tông 1054 1072
- Lý Nhân Tông 1072 1127
- Lý Thận Tông 1128 1138
- Lý Anh Tông 1138 1175
- Lý Cao Tông 1176 1210
- Lý Huệ Tông 1211 1225
- Lý Chiêu Hoàng 1225

Lê Long Đĩnh chết, triều đình tôn Lý Công Uẩn lên ngôi, ông xưng là Lý Thái Tổ, rời kinh đô về thành Đại La, nay là Hà Nội. Tổ chức triều đình khi Lý Thái Tổ vào thành Đại La thì thây rởng

vàng bay lên đón rồng do đó mà đổi tên là thành Thăng Long.

Lý Thái Tông rất sùng đạo Phật nên cho xây chùa khắp nơi và truy tôn bá rợ tithu kính Phật cho dân chúng.

Đến đời Lý Thánh Tông tên nôm là Đệ Nhất (1054). Năm 1069, Lý Thánh Tông mang binh cõi về phía nam. Đem quân đánh Chiêm Thành, bắt vua Chiêm là Chế Củ mang về Thăng Long. Chế Củ phải dâng đất để chuộc mạng, gồm các châu Đạ lý, Ma Lynch và Bố Chính (nay là Quảng Bình, Quảng Trị).

Năm 1075, Lý Nhân Tông cử Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem 10 vạn quân chia thành hai đạo thu binh đánh chiếm 3 châu Khâm, Liêm và Ung của Tàu (lúc đó nhà Tống đang cai trị nước Tàu).

Thời Lý kéo dài hơn 200 năm, truy tôn được 9 đời vua. Cuối cùng là mất nước, lên ngôi mới 7 tuổi, xưng là Lý Chiêu Hoàng. Vì Lý Chiêu Hoàng còn nhỏ tuổi nên quyên hành đởu trong tay Đệ Nhất tiên Chử huy sứ Trần Thủ Đđ. Trần Thủ Đđ lập mưu đở Lý Chiêu Hoàng lấy cháu mình là Trần Cảnh nhữ ép Chiêu Hoàng nhữ ng ngôi cho chử ng năm 1225.

XIV. Thời Trần (1225 - 1400)

- Trần thái tông 1225 1258
- Trần thánh tông 1258 1278
- Trần Nhân Tông 1278 1293
- Trần Anh Tông 1293 1314
- Trần Minh Tông 1314 1329
- Trần Hiên Tông 1329 1341
- Trần Dđ Tông 1341 1369
- Trần Nghệ Tông 1370 1372
- Trần Duđ Tông 1372 1377
- Trần Phđ Đđ 1377 1388
- Trần Thuđ n Tông 1388 1398
- Trần Thiđ u Đđ 1398 1400

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Năm 259; m, 26 Tháng 2 Năm 259; m 2009 13:23

Trần Cảnh lên ngôi vua, xưng là Trần Thái Tông, nhường mả quyên hành đũa ngọc trong tay Thái sư Trần Thủ Độ..

Thời Trần nhỏ học rớt thi. Ngoài Quốc Tử Giám đã có thi thi Lý, triu đình cho lập thêm Quốc Học viện để giảng dạy, ngũ kinh. Nước chia thành 12 Bộ, thi mả bả đũa có trườg đũa học.

Văn học thời Trần rớt thi. Đây có nhiều nhân tài như Lê Văn Hưu đã soạn bộ Đại Việt Sử Ký rớt có giá trị; Mạc Đĩnh Chi, nhà văn học lí lí, nhiều tiếng trong việc ngoại giao với nhà Nguyên của Tàu; Chu An, nhà văn học tài ba nêu gương thanh khiết và công đức; Nguyễn Thuyên có công xây dựng nền tảng cho văn Nôm.

Trần Quốc Tuấn soạn "Hịch Tướng Sĩ" để khích lệ truyu tu. Các vua nhà Trần đũa có soạn Ngã Tả p.

Võ công thời Trần rớt hiu hách, đã tổ đũa c mả t võ nghiu p oanh liệt trong lịch sử thế giới, là đánh bại đoàn quân bách thắng Mông Cổ. Lúc đó Mông Cổ đã toàn thắng khắp nơi từ Trung Á tới Đông Âu và chiếm trầ n nước Tàu phía bắc nước Việt. Thế mà ba lần Mông Cổ sang xâm lược nước Việt đũa bả thất bại (năm 1257, năm 1284, năm 1287). Chiến thắng đũa quân Mông Cổ, Đũa Hông Đũa Võu ng Trần Quốc Tuấn xưng đấng là võ tườg tài ba bậc nhất cả kim.

Đại Trần Anh Tông mả mang bả cõi phía nam. Nhà vua gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành Mân. Hôn lí của vua Chiêm là châu Ô và châu Rả Năm 1307, vùng này đũa c đũa thành châu Thuận và châu Hoá (nay là vùng Thừa Thiên).

Cuối thời Trần, các vua trầ nên kém cỏi, triu đình suy yếu, dân nước đói khổ, quyên hành đũa ngọc trong tay Hồ Quý Lả

XV. Thời Hồ (1400 - 1407)

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Ngày 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

- Hồ Quý Ly 1400
- Hồ Hán Thương 1401- 1407

Các vua cuối nhà Trần trí kém, tài hèn nên Hồ Quý Ly nắm quyền hành. Đầu năm 1400 Hồ Quý Ly truất phế Trần Thiệu u Đế rồi xưng làm vua, đóng đô ở Tây Đô (Thanh Hoá), đổi tên nước là Đại Ngu.

Hồ Quý Ly cải tổ mọi việc trong nước, lập thu thuế buôn, chế tiền giấy thay tiền đồng tiền lưu thông, dịch sách chữ Nho sang chữ Nôm; dùng chữ Nôm trong việc giáo dục cùng trong các văn kiện hành chính. Tập hợp binh lính chu đáo, lập sở dân và tuyển thêm quân, chế binh chế, đóng chế thuyền, xây thành luỹ, lập kho lương và xưởng chế tạo vũ khí.

Năm 1402 đánh Chiêm Thành mở rộng bờ cõi phía nam, Chiêm Thành thất trận, phải dâng đất Chiêm Đông (Quảng Nam) và Cổ Luỹ (Quảng Ngãi).

Năm 1406 nhà Minh bên Tàu lấy cớ giúp nhà Trần sai Trần Hưng Phò và Mộc Thạnh đem quân sang đánh nước Đại Việt. Quân sĩ nhà Hồ yếu hèn, lực lượng quốc gia suy kém, dân chúng bỏ đói khổ vì hàng năm suy vì cuối thời Trần, nên quân Minh đã thắng dễ dàng. Hồ Quý Ly và con cháu chạy vào núi Hà Tĩnh thì bị quân Minh bắt, rồi giết sang Tàu. Về sau, nhà Minh khai thác tài trí con cháu nhà Hồ để phát triển nền văn minh Trung Hoa.

XV Hồ u Trần Kháng Chiếm Chàng Tàu (1407 - 1413) (Hồ u Trần)

- Giặc Địch 1407 - 1409
- Vua Trùng Quang 1409 - 1413

Sau khi diệt nhà Hồ, quân Tàu chiếm nước Đại Việt, thiết lập chế cai trị.

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tác Giả: Lịch sử Việt Nam

Thứ Năm, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Con cháu nhà Trần phải chịu lao khổ kháng chiến chống quân Minh. Hoàng Đế Giản Đế (Trần Quốc), vua Trùng Quang (Trần Quý Khoách) gặp nhiều gian nan. Cuộc cùng, thay vì uất ức đứng trước thất bại

XVI Thời kỳ Bắc Tàu (nhà Minh) đô hộ (1414 - 1427)

1. Việc Bắc Tàu đô hộ

Thống đốc nhà Hồ và con cháu nhà Trần, quân Minh thiết lập việc đô hộ rất tàn bạo, bóc lột dân Việt đến cùng cực: tiêu huỷ sách vở, tước đoạt tài liệu văn hoá Việt mang về Tàu để mở thành tài liệu của Tàu, bắt dân Việt học chữ Hán, đày đọa dân chúng trong cảnh khốn cùng, lầm than.

B. Lê Lợi Đánh Tàu Phò Quốc (1418-1427)

Năm 1418 Lê Lợi xưng là Bình Đế Vương, khởi nghĩa đánh Tàu ở Lam Sơn (Thanh Hoá). Lúc đầu, thế còn yếu, Lê Lợi phải rút quân về núi Chí Linh ba lần để tránh thế và rèn luyện quân sĩ.

Đến năm 1424, theo sách lược của Nguyễn Trãi, Bình Đế Vương đánh thắng quân Minh liên tiếp, chiếm nhiều các đất ở Thanh Hoá vào nam.

Năm 1426 Bình Đế Vương tiến quân ra bắc, đánh tan đội quân của Vương Thông tại Tốt Động, chém chết Liễu Thăng ở Chi Lăng, giành lấy đất để lập cho người Việt năm 1427.

XVII Thời Lê (Hồ Lê) (1428 - 1527)

- Lê Thái Tổ 1428 - 1433

- Lê Thái Tông 1433 - 1442

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tác Giả: Lịch sử Việt Nam

Thứ Năm, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

- Lê Nhân Tông 1442 - 1459
- Lê Thánh Tông 1460 - 1497
- Lê Hiến Tông 1497 - 1504
- Lê Túc Tông 1504
- Lê Uy Mục 1505 - 1509
- Lê Täng Däc 1509 - 1516
- Lê Chiêu Tông 1516 - 1524
- Lê Cung Hoàng 1524-1527

Sau khi đäi xong giäc Tàu, Bình Đänh Väng lên ngôi Hoàng Đä, xäng là Thái Tä, đóng đô ở Thăng Long, tên näc vän là Đäi Việt.

Ở thời Lê, mäi väc trong näc đäu đäc säa sang. Väc cai trị säp đät tät đäp, luật pháp nghiêm minh. Bộ luật Hồng Đức là bộ luật rät hoàn bä đã đäc ban hành đäi triäu Lê Thánh Tông (1460 1497)

Väc häc đäc khuyän khích. Triäu đình đät lä khäc tên nhäng ngäi đä tiän sĩ vào bia đá và đäc vinh quy bäi tä.

Thời này có nhiäu tác phẩm danh tiếng còn truyän đän nay nhä: Đäi Việt Sử Kä Toàn Thä của Ngô Sĩ Liên, thơ văn của Nguyễn Trãi (Gia Hän Ca, Bình Ngô Đäi Cáo, v.v.).

Vä công và väc mä mang bä cäi cũng rät läy läng, Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành, läy đät, läp thành đäo Quỳnh Nam (1471). Năm 1479 xä Bän Man (Trän Ninh, näc Lào) liên kết với näc Lão Qua (näc Lào) näi lên quäy phá, Lê Thánh Tông sai quân đánh đäp, xä Bän Man xin quy thuän.

Vào cuối thời Lê, các vua sinh tät, ham mê täu säc, xa xä thái quá, khiän dân näc khä sä, giäc giä näi lên khäp näc. Quan triäu thì giành nhau quyän läi. Täng Mäc Đäng Dung đäp yän loän ở triäu räi giät vua Lê Cung Hoàng (1527), soán đät ngôi vuä

XIX. Thời Lê - Mäc tranh quyän (1527 - 1592)

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tham khảo: Nền tảng, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

- Thái Tông Mạc Đăng Dung 1527 - 1529
- Thái Tông Mạc Đăng Doanh 1529 - 1540
- Hiến Tông Mạc Phúc Hải 1540 - 1546
- Tuyên Tông Mạc Phúc Nguyên 1546 - 1561
- Mạc Mậu Hợp 1561 - 1592

Mạc Đăng Dung giết vua Lê Cung Hoàng rồi soán ngôi, lập nên nhà Mạc. Mạc Đăng Dung lên ngôi xưng là Minh Đế, vốn theo chính sách của các triều Lê mà trở nên.

Đến năm 1540, Mạc Đăng Dung hàng phục Tàu và nhận chức phong Đô Thống Sĩ của nhà Minh. Đa số các quan triều không phục, ngỗ ngược thì tránh, ngỗ ngược thì nổi lên chống lại.

Con rể của vua Lê là Nguyễn Kim nổi lên, lập con cháu nhà Lê lên làm vua để chống nhà Mạc. Nguyễn Kim đánh chiếm được Thanh Hoá vào nam, chia đôi đất nước với nhà Mạc.

Năm 1545, Nguyễn Kim mất, con rể là Trịnh Kiểm thế quyền. Trịnh Kiểm sinh con cái Nguyễn Kim không chịu bèn giết em rể là Nguyễn Uông và bắt Nguyễn Hoàng vào trấn ở đất Thuận Hoá (1558). Trịnh Kiểm mất, Trịnh Tùng lên thay năm 1592. Trịnh Tùng đem quân đánh nhà Mạc ở bắc, giết được Mạc Mậu Hợp, chiếm kinh thành, diệt xong nhà Mạc, hoàn thành việc trung hưng nhà Lê.

II Các Vua Lê Trong Thời kỳ Lê Mạc Chiến Tranh (1533 - 1592)

- Lê Trang Tông 1533 - 1548
- Lê Trung Tông 1548 - 1556
- Lê Anh Tông 1556 - 1573
- Lê Thế Tông 1573 - 1599

B. Các Vua Lê trong Thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh

- Lê Kính Tông 1560 - 1619
- Lê Thế Tông 1619 - 1643
- Lê Chân Tông 1643 - 1649
- Lê Thế Tông 1649 - 1662 (làm vua lần thứ hai)
- Lê Huyền Tông 1663 - 1671
- Lê Gia Tông 1672 - 1675
- Lê Hi Tông 1676 - 1705
- Lê Dụ Tông 1706 - 1729
- Lê Duy Phụng 1729 - 1732
- Lê Thuần Tông 1732 - 1735
- Lê Ý Tông 1735 - 1740
- Lê Hy Tông 1740 - 1786
- Lê Mẫn Đế (Chiêu Thế Tông) 1787 - 1788

XX. Thời Lê Trung Hưng (1592 - 1788)

Trong thời Lê Trung Hưng thì từ năm 1627 tới 1672 là giai đoạn Nam Bộ phân tranh giữa Trịnh và Nguyễn, kéo dài 45 năm.

Trong thời Trung Hưng, vua Lê chỉ có hình thức, Trịnh Tùng xưng chúa, rồi cha truyền con nối, nắm hết quyền hành miền Bắc, gọi là Đàng Ngoài. Nguyễn Hoàng xưng chúa miền Nam, lập thành một khu vực riêng, gọi là Đàng Trong. Chúa Trịnh, chúa Nguyễn đều mưu tiên diệt lẫn nhau để nắm quyền hành, nên sinh thù ghét và gây việc chiến tranh.

Năm 1627, chúa Trịnh lấy cớ chúa Nguyễn không chịu nộp thuế cho vua Lê nên sai quân vào đánh miền Nam, bắt đầu cuộc chiến tranh Nam Bộ.

Trong vòng 45 năm Trịnh, Nguyễn đánh nhau 7 lần không phân thắng bại nên hai bên phải giảng hòa, cắt nước làm đôi, lấy sông Gianh làm ranh giới hai miền Bắc, Nam.

Chính trị miền Bắc (Đàng Ngoài) chủ yếu quanh quẩn việc ngôi vua và cai trị địa phương cùng lắm là đánh chiếm miền Nam.

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tác Giả: Lịch sử Việt Nam

Thứ Năm, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Miền Nam (Đàng Trong) các chúa Nguyễn ngoài việc lo chức các chúa Trịnh ở Bắc, vẫn lo chức việc mang bờ cõi. Lấy các đất của Chiêm Thành, Thuận Châu lập thành lập các trấn Bình Định năm 1558, Phú Yên năm 1611, Khánh Hòa năm 1653, Biên Hòa và Gia Định năm 1698, Hà Tiên năm 1708.

Nhưng miền Nam thì chúa Nguyễn Phúc Khoát mất năm 1765 thì sinh rời loạn do quyền trấn Thuận Thúc Loan, làm nhiều điều tàn ác, dân chúng oán giận.

Năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ khởi nghĩa ở làng Tây Sơn (Bình Định), đánh chiếm Quy Nhơn rồi lấy luôn cả Quy Nhơn Ngãi vào Bình Thuận.

Chúa Trịnh thừa kế miền Nam rời loạn bèn sai quân vào đánh lấy Phú Xuân (1775). Chúa Nguyễn bị thua, chạy vào Quy Nhơn Nam, nhưng lại bị Nguyễn Nhạc đánh bại, nên phải trốn vào Gia Định. Ở đây chúa Nguyễn Phúc Thuận bị trấn Tây Sơn là Nguyễn Huệ giết chết.

Lúc đó, Nguyễn Nhạc thấy quân Trịnh đang mạnh bèn hàng Thuận để khỏi lo mất Bắc, rồi tiến quân đánh chúa Nguyễn. Chiếm lấy đất Gia Định (1777).

Sau khi thắng miền Nam, Nguyễn Nhạc lên ngôi vua, xưng hiệu là Thái Đức, lập kinh đô ở thành Đàng Bàn năm 1778.

Còn ở Đàng Ngoài thì rời loạn. Cuộc đời Trịnh Khải có loạn kêu binh (1782). Nguyễn Huệ nhân dịp đó chiếm Thuận Hoá, rồi thừa thắng tiến ra Thăng Long. Trịnh Khải bị thua phải trốn. Thế lực nhiếp chính nhà chúa chấm dứt (1786).

Nguyễn Huệ trở quyền cai trị cho vua Lê Hy Tông rồi rút quân về Nam. Lê Hy Tông mất, cháu là Duy Kỳ nối ngôi, niên hiệu Chiêu Thống. Lê Chiêu Thống nhu nhược, bất tài nên Trịnh Bạt ép vua để lập lập nhiếp chính chúa Nguyễn Huệ ở Thanh Hoá ra giúp Chiêu Thống

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tác Giả: Lịch sử Việt Nam

Thứ Năm, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

dẹp đẽ của Triều đình Nguyễn, rồi tiếp đó Nguyễn Huệ Chỉnh đốn công mà chuyên quyền.

Bác Bình Vương Nguyễn Huệ đóng đô ở Thuận Hoá để tin Nguyễn Huệ Chỉnh đốn vua Lê bèn sai Vũ Văn Nhôm ra bắt giết Nguyễn Huệ Chỉnh đốn. Chiêu Thống thấy Vũ Văn Nhôm đưa quân ra bắt thì sợ hãi rồi chạy trốn và gọi con sang Tàu cầu viện quân Thanh (1788).

Wũ Văn Nhôm là bác có ý phản nghịch, Bác Bình Vương phải thân chinh ra bắt Nhôm giết đi, rồi trao quyền cai trị đất nước cho Ngô Văn Sở và Ngô Thì Nhậm.

Các Chúa Triều đình là Bác Các Chúa Nguyễn ở Nam

Triều đình Tùng 1570 - 1623 Nguyễn Hoàng 1600 - 1613 Chúa Tiên
Triều đình Tráng 1623 - 1657 Nguyễn Phúc Nguyên 1613 1635 Chúa Sãi
Nguyễn Phúc Lan 1635 - 1648 Chúa Thuận
Triều đình Thế 1657 - 1682 Nguyễn Phúc Tần 1648 - 1687 Chúa Hải
Triều đình Căn 1682 - 1709 Nguyễn Phúc Trăn 1687 - 1691 Chúa Nghĩa
Triều đình Cảnh 1709 - 1729 Nguyễn Phúc Chu 1691 - 1725 Quốc Chúa
Triều đình Giang 1729 - 1740 Nguyễn Phúc Trú 1725 - 1738
Triều đình Doanh 1740 - 1767 Nguyễn Phúc Khoát 1738 - 1765
Triều đình Sâm 1767 - 1788 Nguyễn Phúc Thuần 1765 - 1777
Trịnh Cán 1782 - 1783 (làm chúa để 2 tháng)
Triều đình Khôi 1783 - 1786

XXI Thế kỷ Tây Sơn (1788 - 1802)

- Vua Quang Trung 1788 - 1792
- Vua Cảnh Thịnh 1792 - 1802

Vua Thanh Cảnh Long mất nên Lê Chiêu Thống cầu viện để thôn tính nước Việt, đã sai Tôn Sĩ Nghị đem 20 vạn quân sang đánh. Quân Thanh theo ba đường: Tuyên Quang, Cao Bằng và Lạng Sơn (1788).

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Năm 2009, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Ngô Văn Sở thấy không thể kháng cự nổi, bèn rút quân về núi Tam Điệp.

Lê Chiêu Thống theo quân Tôn Sĩ Nghị vào Thăng Long và nhận chức An Nam Quốc vương do vua Thanh Càn Long phong cho, rồi vào thủ quân Tàu theo lo việc chém giết báo thù. Còn quân Thanh thì theo sự sắp bóc, giết hại dân Việt. Dân chúng miền Bắc phải sống trong cảnh vô cùng kình hoàng khốn khổ.

Được tin quân Thanh sang xâm lăng, Bắc Bình Vương lên ngôi Hoàng Đế (1788), lấy hiệu Quang Trung, rồi kéo 10 vạn quân ra Bắc tiêu diệt quân Tàu.

Ngày 10 tháng chạp quân Việt từ núi Tam Điệp, Hoàng Đế Quang Trung cho động binh đến quân sĩ ăn tết trước, rồi ngày 30 tháng chạp hạ lệnh đánh. Quân Tàu liên tiếp bị thất bại ở các mặt trận Phú Xuyên, Hà Hồi, Ngọc Hồi, Đống Đa. Các danh tướng Tàu Hòa Thám, Hạnh, Sĩ Nghi đều bị bắt sống. Tôn Sĩ Nghị quá sợ hãi phải rút tàn quân chạy trốn về Tàu. Chỉ trong vòng năm (5) ngày, Quang Trung đã phá quân Thanh (1789). Lê Chiêu Thống và gia đình chạy theo Tôn Sĩ Nghị sang Tàu, rồi sau này bị bắt nhốt ở ngục.

Sau khi đã phá quân Thanh, Quang Trung lo sắp xếp, ổn định nội trị và ngoại giao.

Vì vua Thanh Càn Long có lòng kình nể Hoàng Đế Quang Trung nên việc giao hòa giữa hai nước sẽ khó khăn. Vì vậy, Quang Trung định đô ở Nghệ An, là Phoenix Hoàng Trung Đô và gọi Thăng Long là Bắc Thành. Nước đã chia thành nhiều trấn, có trấn thì coi việc võ, huyện trấn coi việc văn.

Lập sổ điền, khuyến khích nông nghiệp, phát triển buôn bán, đúc tiền đồng, cải cách và khuyến khích văn học, dùng chữ Nôm làm quốc ngữ, bắt chữ Hán.

Nhà vua rất chú trọng việc quân sự, lập sổ đinh, tuyển chọn binh sĩ và tập luyện chuyên cần, để lo việc tiếp đánh Tàu lấy lại đất Lĩnh Đông, Lĩnh Tây. Nhờ vua anh tài Bắc Thành bắt đầu mở đầu (1792) nên quốc sách không thi hành được.

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Thư mục: N, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Con của Quang Trung là Quang Toản lên ngôi lấy hiệu là Cảnh Thịnh. Quang Toản nhu nhược, trong những giờ phút khó khăn của mình, nên vua sau là Nguyễn Ánh lấy mặt nghĩa quân (1802).

Thời Tây Sơn, những người Việt bị chia làm ba miền: Miền Bắc do Nguyễn Huệ cai trị; Miền Trung do anh cả Nguyễn Nhạc cai quản; Miền Nam do anh cả hai Nguyễn Nhạc Nguyễn Huệ. Khi chúa Nguyễn mất nghĩa quân thì còn sót lại một số người dòng dõi nhà Nguyễn là Nguyễn Ánh, tập hợp quân sĩ đánh nhau với Nguyễn Nhạc, chiếm được thành Gia Định, xưng vương năm 1780.

Sau Nguyễn Ánh bị thất bại phải chạy ra vùng hải đảo cùng trốn sang Xiêm La (Thái Lan) cùng với quân Xiêm và thời kỳ Tây Phong.

Năm 1788 Nguyễn Ánh bị chiếm được Gia Định, rồi nhân cơ hội anh em Tây Sơn bất hòa, cùng nhà đảo một số người Pháp giúp sức và luyện tập binh sĩ nên tính việc đánh Bắc Hà.

Từ năm 1790 cứ theo mùa gió mùa (thời tiết nam lên bắc) Nguyễn Ánh đem binh thuyền ra đánh phá Tây Sơn, khi đi chiểu gió thì rút đi. Cho nên dân chúng gọi các trận này là "gió mùa".

Nguyễn Ánh đánh Quy Nhơn 3 lần mới thắng (1799) rồi đổi tên là Bình Định.

Năm 1801 Nguyễn Ánh mang toàn lực thành Phú Xuân (Huế). Vua Cảnh Thịnh phải chạy ra Bắc. Chiếm được Phú Xuân, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, xưng là Gia Long năm 1802. Lập kinh đô ở Phú Xuân và đổi tên nước là Việt Nam.

Gia Long ra đánh Bắc Hà trong vòng một tháng thì toàn thắng, vua Quang Toản cùng các tướng đầu hàng. Thời Tây Sơn chấm dứt năm 1802, Nguyễn Ánh chiếm được Thăng Long và thắng nhà Tây Sơn ngày 20 tháng 7 năm 1802.

XXI Thời Nguyễn (1802 - 1884)

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Ngày 26 Tháng 2 Ngày 2009 13:23

A. Các Vua Nhà Nguyễn Trong Thời Đế Chế

Thần Tông - Gia Long 1802 - 1819

Thánh Tông - Minh Mạng 1820 - 1840

Hiên Tông - Thiệu Trị 1841 - 1847

Đức Tông - Tự Đức 1847 - 1883. Không con, có ba người con nuôi : Đức Dục, Chánh Mông và Đức Tông Thiệu Trị

B. Các Vua Nhà Nguyễn Trong Thời Kỳ Việt Pháp Chiến Tranh

- Đức Dục 1883 làm vua được 3 ngày. Con nuôi trưởng của vua Đức Tông
- Hiệp Hòa 1883 làm vua được 4 tháng thì bị giết. Em vua Đức Tông
- Kiến Phúc 1883 - 1884 làm vua được 6 tháng thì mất; con nuôi thứ ba của vua Đức Tông
- Hàm Nghi 1884 - 1885 bị Pháp đày sang nước Algérie năm 1885. Em vua Chánh Mông

C. Các Vua Nhà Nguyễn do Pháp Lập nên

- Đức Khánh 1885 - 1888. Tên là Chánh Mông, con nuôi thứ hai của vua Đức Tông
- Thành Thái 1888 - 1907. Con vua Đức Dục, bị Pháp đày sang đảo Réunion (Phi Châu) năm 1915 vì mưu vi phạm Pháp
- Duy Tân 1907 - 1916. Bị Pháp đày sang đảo Réunion năm 1916, vì đánh đuổi Pháp
- Khải Định 1916 - 1925
- Bảo Đại (lần thứ nhất) 1926 - 1945 (lần thứ hai) 1948 - 1955

Sau khi thống nhất, Gia Long (1802 - 1820) sắp đặt việc cai trị trong nước và ngoại giao

Tổ chức triều chính gồm có 6 bộ trông coi các việc.

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Ngày 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Bộ Lại : coi việc quan lại, hành chính.

Bộ Hộ : coi việc thu thuế, tài chính.

Bộ Lễ : coi việc lễ nghi, giáo dục.

Bộ Hình : coi việc luật pháp.

Bộ Binh : coi việc quân sự..

Bộ Công : coi việc xây dựng, giao thông.

Đứng đầu mỗi bộ là Thượng Thư

Nước chia thành 23 trấn, 4 doanh, đứng đầu trấn là Trấn Thủ. Miền Bắc gọi là Bắc Thành gồm 11 trấn. Miền Nam gọi là Gia Định Thành gồm 5 trấn. Mỗi thành có Tổng Trấn đứng đầu Triều đình trực tiếp cai trị 7 trấn và 4 doanh miền Trung. Trấn chia thành Phủ, Huyện, Châu, Tổng, Xã; Đứng đầu là Trấn Phủ, Tri Huyện, Tri Châu, Cai Tổng, Xã Trưởng.

Bộ luật Gia Long ban hành năm 1815. Bộ luật này phỏng theo luật Hồng Đức thời Lê và luật nhà Thanh bên Tàu.

Phép cân đo đong đực quy định rõ ràng. Lốp sứ đúc tiền. Thuế chia thành: thuế đinh, thuế điền, thuế sản vật.

Kể từ Gia Long là Minh Mạng (1820 - 1840). Minh Mạng đã thêm nhiều các và cấp mới vào hệ thống việc triều chính. Bãi bỏ chức Tổng Trấn, đổi các Trấn, Doanh thành tỉnh. Đặt chức Tổng đốc và Tuần phủ để cai trị. Chức Bộ chính coi việc thu thuế, Án Sát coi việc hình luật, Lãnh Binh coi việc quân sự.. Đặt thêm thuế muối và thuế Minh hoàng (nguồn tài trợ cho Việt Nam).

Các triều Thiệu Trị (1841 - 1847), Tự Đức (1847 - 1883), việc nổi bật theo nếp cũ.

Việc học thời Nguyễn được khuyến khích theo lối học của Trung Hoa, chú trọng nhiều vào thi cử, khoa cử. Lốp nhiều thi Khố học Tổng các Trấn, Doanh. Thi Kinh Đô Huế lập thêm Quốc Tử Giám để dạy con cái nhà quý tộc, đặt chức Đốc học ở Trấn, chức Giáo thụ ở Phủ, Huyện. Đốc học Huế trông coi việc giáo dục.

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Năm 259; m, 26 Tháng 2 Năm 259; m 2009 13:23

Năm 1807 mở khoa thi Hội, chọn các công nhân ra làm viên chức triều đình. Vua sai Nguyễn Ích soạn sách Đả lý và Quốc sử.

Thời này có nhiều tác phẩm văn chương giá trị như: Kim Vân Kiều của Nguyễn Du, Hoa Tiên của Nguyễn Huy Tồn, Mai Đình Mộng ký của Nguyễn Huy Hào.

Thời Minh Mạng đặt lập công pháp cho các giám sinh học Quốc Tử Giám và mở khoa thi Hội, thi Đình để chọn các tiến sĩ. Lập Quốc Sử Quán để sưu tập tài liệu về Việt Nam. Thời này có các sách sử, đả nh: Đả Nam Thục Lục, Lịch Triều Nguyên Chủng Loài Chí của Phan Huy Chú, Gia Định Thông Chí của Trần Hoài Đức, Nhật Thống Đả Đồ Chí của Lê Quang Định, Bắc Thành Đả Đồ Chí của Lê Chất.

Có các tác gia văn học nổi tiếng như: Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Công Trứ, Lý Văn Phức, Hồ Xuân Hương, Phạm Đình Hào.

Thời Tự Đức, hoàn thành bộ sử có giá trị là Khâm Định Việt Sử và các bộ Đả Nam Thục Lục, Đả Nam Lý Triều Truyện cùng sách đả lý như Phụng Ngự Đình Đả Đồ Chí Loài của Nguyễn Văn Siêu

Thời này cũng có nhiều tác gia văn chương nổi tiếng như: Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu, Tuy Lý Vương, Tùng Thiện Vương, Phan Huy Vịnh, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Quý Tân, Cao Bá Nha.. Văn chương truyện kể trong dân gian cũng rất thi. Ngoài thêm nhiều tác phẩm có giá trị viết bằng chữ Nôm của các tác gia vô danh.

Vấn đề ngoại giao, nước Tàu chính là cái xác không hồn, thế lực suy nhược, những vấn đề các vua nhà Nguyễn kính sợ. Khi Gia Long lên ngôi đã sai sứ sang Tàu xin phong và chịu lập triều đình 3 năm mới lập nên được hòa hiếu với Tàu. Khi các nước thì hàng hách. Nguyên nhân của Chân Lạp bị thu phục quy phục bởi chúa Nguyễn, đến khi nước Việt bị rơi vào tay Chân Lạp thì Chân Lạp phải quy phục Xiêm. Sau khi thống nhất Việt Nam Gia Long sai Lê Văn Duyệt đem binh đánh đuổi quân Xiêm giành lấy quy phục bởi Chân Lạp (Campuchia).

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Ngày 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Năm 1833, Lê Văn Khôi khởi nghĩa chống Minh Mạng, quân Xiêm thừa cơ đó sai 5 đạo binh theo đường Chân Lạp, Ai Lao sang đánh nước Việt, nhưng bị tướng Trương Minh Giảng dập tan. Ai Lao lập liên minh với Việt Nam cùng đánh các đất Trấn Ninh, Savanaket, Cam Môn và Sầm Nưa.

Năm 1845, quân Xiêm sang quy phục Nam Vang, vua Chân Lạp cầu cứu vua Thiệu Trị, nhà vua bèn sai Nguyễn Tri Phương sang đánh quân Xiêm, lấy lại Nam Vang. Quân Xiêm cầu hòa, Việt Nam lập liên minh với họ Chân Lạp.

Việt Nam giao với các nước Tây phương không được tốt đẹp. Ngay từ thời Gia Long, nhà vua đã chú ý việc thông thương với các nước Tây phương. Gia Long chủ trương độc lập riêng nhưng người Pháp đã có công giúp trong việc đánh Tây Sơn. Các vua sau không những cầu người quy phục mà còn giao thiệp với Tây phương mà còn ban lệnh cấm Thiên Chúa là đạo do Tây phương truyền đến. Đó là cơ sở Pháp và Tây Ban Nha gây chiến tranh sau này.

Đời vua Tự Đức có Nguyễn Trường Tái là nhân tài sáng suốt đưa nhà vua đến cạnh tân thuật nước ngoài theo kiểu bìa kiến thức khoa học. Vua giáo dục ông về nghệ thuật lập kế hoạch, dạy các môn khoa học thực nghiệm, dùng quặng vàng, bạc, kẽm và cho học sinh xuất dương học tập. Vua quân sự ông về nghệ thuật chiến đấu và huấn luyện quân đội cùng trang bị theo lối Âu Mỹ. Vua kính trọng ông về phát triển canh nông, kỹ thuật, thương mại và lập đường giao thông cùng khai mỏ. Vua ngoại giao ông về bang giao với các nước ngoài Âu Mỹ. Nhưng người đi đầu trên cả ông về bác bỏ.

Vua dốt nát, không quyết đoán. Các quan triều, người vì địa vị, quy phục lợi ích riêng, người dốt nát, thì tầm, nên cứ khăng khăng theo lối học lối. Nhưng người có trách nhiệm với quốc gia và có địa vị cao mà còn tự nhủ thì nên nên nô lệ người dốt nát thì nên thoát khỏi.

XXII Pháp Xâm Chiếm Việt Nam

A. Chiến tranh xâm lược (1858 - 1884)

B. Thời kỳ đô hộ (1884 - 1945)

1. Chính Sách Thực Dân
2. Công Cuộc Kháng Pháp Của Dân Tộc Việt Nam

I. Chiến tranh xâm lược (1858 - 1884)

Ngày 19 tháng 9 năm 1858, hạm đội các chiến thuyền của Pháp và Trung Hoa đổ bộ Anh Cát Lợi chiếm đóng phòng to. Chiến thuyền của Pháp và Trung Hoa là Vân Nam bắt đầu thông thương với Hồng Kông từ năm 1842 (sau khi Anh chiếm Tầu trong trận "nhả phiến"), nên Pháp phải tìm đường khác tới Thái Bình Dương vào Vân Nam. Sông Cửu Long bắt đầu, vì vậy phải tính việc dùng sông Hồng Hà.

Lúc đầu, Pháp chiếm đóng các quy định sông kể trên, nhưng sau khi chiến tranh với Việt Nam thì thay thế u đình nhà Nguyễn quá yếu hèn và chiến thuyền Việt Nam cũng trở nên rớt quan trọng, vì thế Pháp đã chiếm trở lại đô hộ và khai thác.

1. Ba tỉnh miền Đông Nam kỳ bắt đầu (1862)

Quân Pháp và Tây Ban Nha lấy cớ triều đình Huế cấm đạo Thiên Chúa mà đem quân vào can thiệp. Đầu năm 1859 quân Pháp chiếm thành Gia Định, Tây Đàng sai Nguyễn Tri Phương vào lập đàng kị Hoà lo chống cự. Năm 1861, quân Pháp chiếm đàng kị Hoà rồi tiến chiếm Đàng Nh, Biên Hoà và Vĩnh Long (1862). Tây Đàng cử Phan Thanh Giản vào Gia Định nghênh hoà. Hoà ước ký ngày 9/5/1862, nhượng ba tỉnh miền Đông Nam kỳ (Gia Định, Biên Hoà, Đàng Nh) cho Pháp.

2. Ba tỉnh miền Tây Nam kỳ bắt đầu (1867)

Năm 1863, Tây Đàng sai Phan Thanh Giản đem phái đoàn sang Pháp để đi u đình chuộc lại ba tỉnh miền đông. Vua Pháp chấp thuận và đi u ký kết Pháp bắt o hộ luôn sáu tỉnh Nam kỳ. Việc bàn chấp xong thì Pháp rút lui đi nghênh đó. Thay vậy vua Tây Đàng phải cử Phan Thanh Giản làm kình lược sứ nắm giữ 3 tỉnh miền Tây Nam kỳ. Mặc dù đã 70 tuổi ông vẫn phải chịu trách

nhằm khó khăn

Quân Pháp vì n c tri u đình Nguyễn giúp nghĩa quân chống Pháp 3 tỉnh miền Đông để tiến quân chiếm nốt ba tỉnh miền Tây: Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Phan Thanh Giản li u s c không c n i và s dân ch t kh vì chi n tranh, nên ra l nh n p thành r i u ng thu c đ c t t , 1867. Đó là 6 tỉnh Nam kỳ b thu c Pháp.

3. Pháp đánh Bắc kỳ lần thứ nhất (1873)

Sau khi chiếm Nam kỳ, Pháp th y sông Cửu Long không thu n tiến cho vi c giao thông v i Vân Nam Tàu, bèn tính t i con đ ng sông Hồng Hà. Pháp sai tên Jean Dupuis gi làm lái buôn dùng sông Hồng Hà để ch hàng vào Vân Nam. Sau khi th y sông Hồng Hà thu n tiến cho vi c giao th ng, tên này tr i Hà Nội gây chuy n v i quan i Việt Nam để quân Pháp Sài Gòn có c ra can thiệp. Soái ph Sài Gòn c tên đ i úy Francis Garnier đem binh thuy n ra t n công Hà Nội. Quan th thành là Nguyễn Tri Ph ng và con là phò mã Nguyễn Lâm c không l i Nguyễn Lâm t tr n, Nguyễn Tri Ph ng b b t r i ông t t ch t (1873).

Sau khi chiếm đ c Hà Nội, Garnier tiến chiếm Ninh Bình, Nam Định và Hải Phòng.

Tri u đình Huế sai Hoàng Kế Viêm t ch c phòng th . Hoàng Kế Viêm g i quân c đến giúp s c đ i y i Hà Nội. Quân C Đen v n là đ đ ng c a quân Thái Bình bên Tàu ch y sang Việt Nam, đ c Hoàng Kế Viêm chiêu đ i Lào Cai. Quân C Đen ph c kých quân Pháp Ô C u Gi y và gi t đ c Garnier.

Soái ph Nam kỳ sai Philastre t Sài Gòn ra Hà Nội lo vi c gi ng hoà và tr i các thành cho Việt Nam r i lui t u bè xu ng Hải Phòng. Sau đó Nguyễn Văn Tấn ng cùng Philastre vào Sài Gòn tiếp t c th ng nghi..

Ngày 15 tháng 3 năm 1874, Th ng th Lê Tu n, Th ng th Nguyễn Văn Tấn ng và Thi u t ng Dupré cùng ký b n hoà c 1874, g m 22 kho n, các kho n chính là:

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Thư mục: N, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Việt Nam nhượng đất cho Pháp 6 tỉnh Nam Kỳ, mở cửa Ninh Hải (Hải Phòng), thành Hà Nội và sông Hồng Hà cho người nước ngoài buôn bán.

Pháp công nhận quyền độc lập của Việt Nam, không phải thu nộp cống nào nữa. Mọi việc đánh dẹp sẽ do Pháp lo liệu, và phải y theo sách lược ngoại giao của Pháp.

4. Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai (1882)

Vào sau, thực triều đình Nguyễn càng ngày càng suy nhược, Pháp tính việc chiếm Bắc Kỳ. Soái phủ Sài Gòn lấy cớ bảo vệ quyền lợi của người Pháp, sai đi tá Henri Rivière ra Bắc. Rivière đánh chiếm Hà Nội ngày 28 tháng 4 năm 1882, quan thành là Hoàng Diệu phải tử. Thực triều đình Nguyễn cầu cứu nhà Thanh bên Tàu. Lợi dụng cơ hội này Thanh triều đem quân sang đóng ở Bắc Ninh và Sơn Tây để dẹp tranh quyền lợi với Pháp ở Việt Nam. Pháp cũng tăng cường thêm quân ra Bắc. Khi Rivière đem quân chiếm Nam Định, quân triều đình cùng quân Cờ Đen tấn công Hà Nội. Rivière vội trở lại giết vây thì bộ quân Cờ Đen phản kích, giết chết Ô Cầu Giấy. Pháp thực triều đình phải chấp nhận rút quân và tăng thêm quân, rồi sai Harmand làm toàn quyền kinh lý việc Bắc Kỳ.

Dân chúng Bắc Kỳ nổi lên kháng Pháp khắp nơi và quân Việt phản công ở Hà Nội, Nam Định nhưng đều bị thất bại. Trong tình thế cam go đó, triều đình Huế sinh ra việc rời bỏ kinh đô. Thực triều đình (1883), Dục Đức lên ngôi được ba ngày thì bị bỏ hai tên quyền thần Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết truất ngôi, lập Hiệp Hòa. Khi đó quân Pháp đánh Thuận An, uy hiếp Huế. Triều đình phải cầu Trữn Đình Túc, Nguyễn Trừng Hợp cùng với Harmand, De Champeaux ký hòa ước ngày 23/7/1883. Hòa ước có 27 khoản. Theo đó triều đình Huế chịu nhượng Pháp bốn tỉnh. Pháp được đất công sở, chiếm các tỉnh, vua Việt chỉ có quyền cai trị tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An.

Hòa ước ký xong nhưng không thi hành được vì Bắc Kỳ vẫn trong tình thế tranh chấp, quân Tàu và quân triều đình vẫn tiếp tục đánh. Pháp phải gửi thêm quân tiếp viện chính quyền sang rồi tiến chiếm Sơn Tây, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hưng Hóa, Tuyên Quang. Quân Tàu thua, phải rút lên vùng biên giới Hoa Việt, quân Nam phải lui về Huế. Huế, Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường vẫn tiếp tục gây rối, phải vua Hiệp Hòa lập vua Kiến Phúc. Triều đình Huế yêu cầu Pháp ký hòa ước khác để quyền hành của vua Việt được củng cố. Nguyễn Văn Tường cùng Patenôtre ký hòa ước ngày 6/6/1884, gồm 19 khoản. Hòa ước này cũng như hòa ước 1883, nhưng gửi về triều đình Huế được triều đình nhận thêm tỉnh Thanh Hóa và Bình Thuận.

Tại vùng biên giới Hoa Việt, quân Tàu vốn chiếm đóng, quân Pháp tiến đánh nhúng bính thốt trốn Bắc Lữ và Lạng Sơn. Nước Pháp bèn đem hai quân đánh Phúc Châu và Đài Loan của Tà Trung Hoa phải ký hoà ước Thiên Tân năm 1885, nhận quy thuận bảo hộ của Pháp ở Việt Nam và rút quân về Tàu.

Xem vậy, việc bang giao giữa nước này với nước khác đều vì lợi, nhưng nước mình bao giờ cũng đứng về phía nghĩa để che đậy ý gian, rồi kết quả mình đi đầu đầu về nước mình, chứ chẳng vì nghĩa chi cả. Thế mà triều đình Huế, cũng như nhiều người khác, mê mê đi cứu cứu như người, không biết lo làm cho dân giàu, nước mạnh, thốt là phụng dưỡng ích kỷ?, vậy lợi ích biết chăm lo bản thân mà coi thường quốc gia dân tộc.

Sau nhiều năm chiến tranh và qua 4 bản hoà ước 1862, 1874, 1883 và 1884 nước Pháp đã hoàn tất việc xâm lăng thực dân ở Việt Nam. Nam kỳ trở thành thuộc địa, Bắc kỳ là đất bảo hộ và Trung kỳ là nơi Pháp lập chế độ trú sở, nhưng trên thực tế cả ba miền đều là thuộc địa của Pháp, nhà Nguyễn ở Huế không có quyền hành gì cả.

Hoà ước 1884 xác định quy định đô hộ của Pháp ở Việt Nam đã thi hành từ ngày 9 tháng 3 năm 1945.

B. Thời kỳ Pháp Đô Hộ (1884 - 1945)

1. Chính sách thực dân
2. Công cuộc kháng pháp của dân Việt Nam

1. Chính sách thực dân

Theo hoà ước 1884, chế độ cai trị của Pháp được phân biệt tùy miền. Nam kỳ thuộc địa, Bắc kỳ bảo hộ, Trung kỳ trú sở. Nhưng trên thực tế cả ba miền đều bị chung dìm ách đô hộ như nhà Mông quy định hành động nằm trong tay người Pháp. Sau khi chiếm Việt Nam và Ai Lao, Cao Mên, Pháp thi lập chế độ thuộc địa chặt chẽ. Lúc đầu mở xi (Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Ai

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Ngày 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Lao, Cao Mên) có mặt viên thống hiên lo việc cai trị. Đến năm 1887 Pháp thiết lập phủ Toàn quyền để thống nhất việc cai trị toàn vùng (Đông Dương). Từ đó về sau: Thống đốc Nam kỳ, Khâm Sai Trung kỳ, Khâm Sai Cao Mên, Thống sứ Bắc kỳ, Thống sứ Ai Lao Các viên chức này đều phụ thuộc theo lệnh của viên Toàn Quyền.

Dân chúng Việt Nam bị đày đoạ khốn khổ, bị bóc lột tàn cùng, phải chịu khổ nhục để phục vụ lập quan đô hộ, phải chịu sưu cao thuế nặng nề nên đời sống này họ sống khổ và chỉ dùng vào việc chém giết dân Việt. Họ nhận thấy, thực dân Pháp dùng mọi cách để phá hủy văn hóa Việt.

2. Công Cuộc Kháng Pháp Của Dân Tộc Việt Nam

Ngay khi ba tỉnh miền đông Nam kỳ bị thất thủ, nghĩa quân miền Nam nổi lên đánh Pháp, nhưng thống đốc còn yếu nên được bổ sung thêm. Tuy vậy, trong suốt thời gian đô hộ, dân Việt trên toàn quốc liên tiếp khởi nghĩa đả phá Pháp, qua các phong trào Cần Vương, Văn Thân, Đông Du, Duy Tân và các đấu tranh địa phương gia.

* Miền Nam

- Trùng Hưng Công Đoàn (Trùng Hưng Đoàn) 1860 - 1864

Trùng Hưng Công Đoàn chiêu mộ nghĩa quân, lập căn cứ ở Gò Công, đánh theo lối du kích, gây nhiều thiệt hại cho quân địch. Trùng Hưng Đoàn là trùng Hưng Cần Vương. Về sau bị tên Huân Công Tôn phân biệt, chuyển đi tìm cho Pháp vây đánh ông ở Kiên Phước (Gò Công). Trùng Hưng Đoàn ông bị đàn áp tàn tệ, năm 1864.

- Nguyễn Trung Trác 1860 - 1868

Nguyễn Trung Trác kháng chiến ở Tân An, Rạch Giá, chiến đấu trong trận đánh của Pháp ở vùng Nhứt Trụ (Tân An) và trận đánh thành Kiên Giang (Rạch Giá), sau lập chiến khu ở Phú Quốc. Tên Việt gian Huân Công Tôn bày mưu bắt ông, ông phải bị khí giới để phục vụ

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tác Giả: Lịch sử Việt Nam

Thứ Năm, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

me.. Ông b Pháp chém Kiên Giang (27-10-1868)

- Phan Tông 1869 - 1870. Kh nghĩa Học Môn, Gò Vấp, Ba Tri.
- Tri Huy n Tho i (Đ Trinh Tho i) 1861. Ho t đ ng vùng M Tho, Cao Lãnh, Cai L
- Thiên H D ng (Võ Duy D ng) 1860 - 1886. L p chi n khu Đ ng Tháp M Cu i năm 1886, ông b m c b nh ch t.
- Th Khoa Huân (Nguyễn H u Huân) 1862 - 1875. Kháng chi n M Tho và Tân An.
- Đoàn Công B u, Nguyễn Xuân Ph ng 1874 - 1875. Kh nghĩa Trà Vinh.
- Lê T n K , Tr n Bình 1874 - 1875. Kh nghĩa Ba Đ ng.
- Phan Tôn, Phan Liêm (con Phan Thanh Gi n). Kh nghĩa Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh và B n Tr
- Qu n H n, Nguyễn Văn B ng 1885. Kh nghĩa 18 Thôn V n Tr u, Bà Đ m, Học Môn thu c Gia Đ.nh.
- Phan Văn Đ t, Lê Cao D ng kh nghĩa mi n Nam, b Pháp b t và b gi t.

* Mi n Trung

- Vua Hàm Nghi lãnh Đ o Phong Trào C n V ng

Vua Ki n Phúc m t, hai ph chánh Nguyễn Văn T ng, Tôn Th t Thuy t l p vua Hàm Nghi (1884). Chính ph Pháp đòi tham đ vào vi c ph l p và đòi tri u đình Hu ph i đ Pháp phong v ng cho vua Hàm Ngh Khi đó kh p n i đ u có nghĩa quân n i lên và tri u đình thì dùng đ ng ch a quy t đ nh thi hành hoà c 1884. T ng Pháp De Courcy bèn đem quân vào Hu b t tri u đình ph i ch u nh n b o h nga Tri u đình ch ng l Đ m m ng 3 r ng ngày m ng 4 tháng 7 năm 1885 quân Nam t n công dinh Khâm S và đ n quân Pháp Mang Cá. Ngày hôm sau quân Nam th t th , ph i b kých thành. Tôn Th t Thuy t đem vua Hàm Nghi ra Qu ng Tr , ti p t c đánh Pháp. Nguyễn Văn T ng v Hu đ u hàng r i l p Đ ng Khánh lên làm vua.

Vua Hàm Nghi Qu ng Tr phát h ch kêu g i dân chúng n i lên ch ng Pháp r i lui v Tân S và tính ra B c nh ng không thành. Sĩ phu trong n c h ng ng r t đông, n i lên nh i u Đ ng Khánh Hu nh i u l n sai ng i đi m i vua Hàm Nghi và chiêu đ các c u th n, nh ng không ai ch u v hàng Pháp.

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tác Giả: Lịch sử Việt Nam

Thứ Năm, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Vua sau Pháp mua chuộc để tên họ của vua Hàm Nghi là Trần Quang Ngọc, tên này bắt vua nộp cho Pháp (1888), nhà vua bị Pháp đày sang Algérie, thuộc địa Pháp ở Châu Phi.

- Phan Đình Phùng

Hàng ngày hàng chục ngàn, Phan Đình Phùng để vua Hàm Nghi trao quyền chỉ huy nghĩa binh (1886). Sau khi vua bị bắt, ông tiếp tục kháng chiến và chỉ huy Phong Trào Văn Thân, lập chiến khu ở Nghệ

- Hoàng Hoa Thám

Khi kháng chiến chống Pháp, Hoàng Hoa Thám để triều đình phong làm Đô Đốc nên thường gọi là Đô Thám. Năm 1886, ông lập chiến khu ở Yên Thế, Bắc Giang. Kháng chiến ròng rã 25 năm gây nên thiệt hại nặng nề cho quân Pháp. Dân chúng rất ngưỡng mộ, gọi ông là hùng thiêng Yên Thế. Nhờ uy lớn thế lực suy yếu, ông phá vỡ trả hàng, vào năm 1894 và 1897, để chính quyền hàng ngũ rồi lại tiếp tục đánh Pháp. Năm 1908, ông mở đầu đánh úp Hà Nội nhưng bị thất bại. Vua sau quân Pháp mua chuộc thế họ của ông là tên Lương Tam Kỳ, lập kế ám sát ông (1913).

- Vua Thành Thái và Vua Duy Tân chống Pháp

Vua Đông Khánh chết non (1888, lúc 25 tuổi), Pháp lập vua Thành Thái con vua Dục Đức, lúc đó mới 10 tuổi lên ngôi, nhà vua hiểu rõ tình thế nên phải đi Pháp và tìm cách liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam ở hải ngoại như Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Vì thế vua Thành Thái bị Pháp bắt thoái vị và bị đày sang đảo Réunion (Phi Châu) (1907).

Pháp lập Hoàng Tử Vĩnh San, mới 8 tuổi lên ngôi lấy hiệu là Duy Tân. Năm 1912, vua Duy Tân yêu cầu nước Pháp thi hành đúng tinh thần bản hòa ước 1884, nhưng không có kết quả.

Năm 1916, nhà vua lãnh đạo Đông Việt, cùng với các nhà ái quốc Trần Cao Vân và Thái

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tác Giả: Lịch sử Việt Nam

Thứ Năm, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Phiên đ̣m̄ u vīc kh̄i nghī K̄ hō ch b̄ b̄i lô.. Pháp đ̄y vua Duy Tân sang đ̄o Réunion. Các nḡi tham đ̄ vào k̄ hō ch kh̄i nghiã đ̄ u b̄ Pháp gīt hōc b̄ đ̄

Sau đó, th̄c dân Pháp l̄p con vua Đ̄ng Khánh (v̄ vua đ̄ sai b̄o) lên ngôi năm 1916, l̄y hīu là Kh̄i Đ̄i.nh. Năm 1925, Kh̄i Đ̄ng nh m̄t, con là Vĩnh Thū, đang h̄c t̄i Pháp, đ̄c ḡi v̄ lên ngôi, l̄y hīu là B̄o Đ̄ng. Ông này không thīt tha t̄i vīc n̄c, nên đã ký thêm Hīp đ̄nh ngày 25 11 1925 trao m̄i quȳn hành cho viên Khâm s̄ Hū và cho Tôn Th̄t Hân làm ph̄ chánh đ̄ lo vīc cúng t̄, r̄i l̄i qua Pháp. Năm 1932, B̄o Đ̄ng i v̄ Việt Nam, nh̄ng ch̄ lo ănh ch̄i, không có quȳn hành gì c̄. M̄i vīc trong n̄c đ̄ u do viên Toàn Quȳn Pháp n̄m gī.

* Phong Trào Đông Du

Sau khi Phong trào C̄n V̄ng tan rã, nhà ái qūc Phan B̄i Châu, nḡi Ngh̄ An, đ̄ng ra k̄t n̄p các nghiã sĩ C̄n V̄ng còn sót l̄i (1902). Ông đi kh̄p trong n̄c tìm đ̄ng chí đ̄ th̄c hīn ch̄ng tr̄ng gīi phóng qūc dân. Ông thành l̄p h̄i Duy Tân và tôn k̄ Ngōi H̄u C̄ng Đ̄, cháu đích tôn vua Gia Long, làm H̄i Ch̄. Đ̄ kh̄ch đ̄ng đ̄m sĩ phu trong n̄c, Phan B̄i Châu vīt "L̄u C̄u Huȳt L̄", r̄t đ̄c truȳn t̄ng, có công đ̄ng làm s̄ng l̄i lòng yêu n̄c c̄a dân chúng. Các đ̄ng chí quan tr̄ng đã cùng Phan B̄i Châu bốn ba kh̄p trong n̄c cũng nh̄ ngōi qūc là Tr̄nh Hīn, Lê Võ, Đ̄ng Thái Thân, Thái Nam X̄ng, Tr̄nh Công K̄u, Chu Th̄ Đ̄ng, Tôn Th̄t Tōi, Đ̄ng Nguyên C̄m, Ngô Đ̄c K̄, Phan Chu Trinh, Hūnh Thúc Kháng, Tr̄nh Quý Cáp, Nguȳn Th̄ng Hīn, L̄ng Nḡc Can v.v...

Năm 1904, Nga Nh̄t chīn tranh k̄t lī S̄ th̄ng l̄i v̄ vang c̄a Nh̄t gây xúc đ̄ng m̄nh m̄ trong t̄ng l̄p sĩ phu và các nhà ái qūc Việt Nam. Nh̄ đó, khuȳn h̄ng Đông Du (sang Nh̄t) c̄ u h̄c đ̄c nhīu nḡi h̄ng nḡ.

Năm 1905, Phan B̄i Châu cùng Tăng B̄t H̄ và Đ̄ng T̄ Kính kh̄i hành đi H̄ng Kông, Th̄ng H̄i r̄i sang Nh̄t. T̄i Nh̄t c̄ Phan t̄p xúc v̄i h̄c gī Trung Hoa L̄ng Kh̄i Siêu, đang t̄ n̄n t̄i Tokyo L̄ng Kh̄i Siêu gīi thīu c̄ v̄i các chính khách Nh̄t nh̄ Khuȳn Đ̄ng Ngh̄, Bá t̄c Đ̄i Ôi (đã hai l̄n làm Th̄ t̄ng). C̄ Phan nḡ ý c̄u vīn nh̄ng b̄ t̄ ch̄i.

C̄ng Đ̄ sang Nh̄t năm 1906. Ch̄ng tr̄ng du h̄c Nh̄t B̄n đ̄c Nguȳn H̄i Th̄n tích c̄c

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tác Giả: Lịch sử Việt Nam

Thứ Năm, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

giúp đỡ. Về sau Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh bắt đầu ng ý kiến về kế hoạch cứu quốc. Phan Bội Châu chủ trương bài Pháp, dành độc lập. Phan Chu Trinh chủ trương bài quân chủ, đưa vào Pháp để cứu nước Thái Tây, ông bắt viết nôm c chữ xúy cho lập trường của mình.

Năm 1910, Pháp đi u đình với Nhật trực xuất các nhà cách mạng và du học sinh Việt Nam. Phan Bội Châu phải chuyển sang Trung Hoa, rồi bốn ba năm ở Xiêm La, Nam Dương. Khi được tin cách mạng Trung Hoa thành công (1911) chuyển sang Tàu hoạt động. Năm 1912, chủ trì tán Duy Tân Hội để lập Việt Nam Quang Phục Hội, chủ trương Dân Chủ Công hòa. Hội giúp đỡ du học sinh và hô hào cách mạng. Năm 1913, Pháp (Toàn Quyền Sarraut) mở u với Đô đốc Quống Đông là Long Tấn Quang bắt giam Phan Bội Châu. Cùng năm đó, trong nôm c Hội Đống Đố Hình Pháp x 14 án t hình, trong đó Phan Bội Châu và Cồng Đố bắt hình vng m t. Năm 1917, Long Tấn Quang bắt quân cách mạng Trung Hoa đánh thua, chủ Phan đ c th ra.

Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc (H Chí Minh) âm mưu bắt cóc Phan Bội Châu ở Thượng Hải (Trung Hoa) giao cho Pháp. Phan Bội Châu bị Pháp kết án chung thân khổ sai Đống bào toàn quốc bị u tình đòi thả do cho c , Pháp nhượng bộ , bắt c Phan an trí ở Huế. Phan Bội Châu mất năm 1940.

Phong Trào Duy Tân

Biến c Nhật thng Tàu năm 1894 và Nhật thng Nga năm 1904, đã làm các dân tộc Châu Á thức tỉnh. Ở Trung Hoa, Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi hô hào cải cách Duy Tân. Ở Việt Nam, các chí sĩ hăng hái trong phong trào Duy Tân, đứng đầu dân quyền gồm có Phan Chu Trinh, Đống Tấn Kính, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đố c K .

Năm 1906, Phan Chu Trinh sang Nhật, gặp Phan Bội Châu; Nhng hai người bắt đầu ng ý kiến. Phan Chu Trinh trở về hoạt động trong nôm c. Năm 1908, nhân về bị u tình yêu cứu gi m nh s u thu c a dân các tnh Quống Ngãi, Quống Nam, Thừa Thiên, mất s nhân sĩ Trung, B c k b b t, trong đó có Phan Chu Trinh. C b đ y ra đ o Côn Lôn.

Năm 1911, nh Hội Nhân Quyền Pháp can thiệp Phan Chu Trinh đ c th C qua Pháp, làm ngh chủ p nh. Năm 1922, Khải Đốnh sang Pháp, chủ g i th chủ trích, năm 1925, chủ v nôm c. Năm sau, Phan Chu Trinh mất ở Sài Gòn.

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13; Ngày 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Một thế hệ có những người rất nhiệt tình cho công cuộc duy tân là trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Trường mở ở Hà Nội năm 1907, do các ông Nguyễn Quý, Ngô Đức Kế, Lương Ngọc Can, Đào Tấn Bá, Đào Nguyên Phổ, Phan Huy Thuận, Hoàng Tăng Bí... đứng ra thành lập. Trường dạy miễn phí cho các thanh niên nam nữ cả ba thế hệ Việt, Pháp, Hán. Việt văn, khoa học, công nghệ thế giới được chú trọng đặc biệt. Trường cũng thế giới thành lập các buổi diễn thuyết về văn hoá, khoa học ... Trường soạn sách giáo khoa và các bài hát khích động lòng yêu nước, phát động cho dân chúng.

Đông Kinh Nghĩa Thục chỉ hoạt động được 9 tháng thì bị Pháp bắt đóng cửa.

* Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên

Nhà cách mạng Lương Ngọc Quý (con của Lương Ngọc Can, người sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục) đã đứng đầu cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Chấn Võ ở Nhật Bản, tham gia vào đoàn quân cách mạng Trung Hoa ở Anh và ở Hồng Kông rồi giao cho Pháp, bị giam ở Thái Nguyên. Trong ngục ông tiếp xúc với đồng chí ái quốc, đồng chí nhiệt tình nghe theo, trong đó có Trần Văn Cẩn là một học sĩ quan cấp Đệ (trung sĩ) thuộc đơn vị Khố Xanh của Pháp ở Thái Nguyên. Lương Ngọc Quý và Trần Văn Cẩn đứng đầu khởi nghĩa đêm 31 tháng 8 năm 1917, Trần Văn Cẩn nổi lên lấy danh nghĩa Quang Phục quân, mang 200 binh lính thành Thái Nguyên. Trần Văn Cẩn đứng đầu phong trào làm Quang Phục quân Đệ ở Đô Đốc. Quân Pháp phải đem đội binh từ Hà Nội lên đánh. Quang Phục quân giữ Thái Nguyên được 3 ngày thì phải rút vào rừng. Lương Ngọc Quý, vì bị Pháp tra tấn làm liệt chân, không theo nghĩa quân đứng đầu nên từ chối.

Trần Văn Cẩn ẩn nấp trong vùng Tam Đảo, Yên Thế tiếp tục đánh Pháp được vài tháng. Đến khi quân bị hao mòn, thiếu lương thực, Trần Văn Cẩn từ chối vùng núi Phú Thọ..

* Việc Ném Tên ở Sa Đìn, Quảng Châu

Năm 1923, viên toàn quyền Đông Dương là Martial Merlin trên đường từ Nhật trở về Việt Nam, ghé thăm Sa Đìn, Quảng Châu (Trung Quốc) để mua thuốc do Pháp kiểm soát đây kho thuốc để khách sạn Victorien đứng đầu khi ăn, tên này bị nhà ái quốc Phạm Hồng Thái ném tên đứng đầu, nhờ người bạn thoát chết. Bị thương bị, Phạm Hồng Thái nhảy xuống sông tự tử.

* Cuộc khởi nghĩa Yên Bái

Phan Bội Châu bắt đầu năm 1925 và Phan Chu Trinh chết năm 1926 đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ trong dân chúng, nhất là tầng lớp thanh niên trí thức.

Năm 1927, một đảng chính trị cách mạng đầu tiên ra đời do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Nguyễn Thái Học đã tranh đấu ôn hòa với Pháp nhưng không có kết quả, nên ông chuyển sang dùng vũ lực. Vì thế, Việt Nam Quốc Dân Đảng được thành lập, với mục đích giành độc lập cho đất nước. Năm 1930, Việt Nam Quốc Dân Đảng khởi kiện hoả ch khởi nghĩa chiếm lĩnh Bắc kỳ. Nguyễn Thái Học ra lệnh khởi nghĩa vào ngày 10/2/1930, nhưng lại không tổ chức các địa phương, nên cuộc khởi nghĩa không đúng ngày đã hoả ch diễn ra.

Đêm ngày mùng 9 rạng ngày mùng 10 tháng 2 năm 1930, chi bộ Yên Bái khởi công đánh các trại lính Pháp, giải phóng nhiều địa phương. Sáng ngày hôm sau, quân Pháp phản công kịch liệt, nghĩa quân bị tan rã.

Đêm mùng 9 tháng 2, Nguyễn Khắc Nhu đánh Hàng Hoá và Lâm Thao bị Pháp phản công mạnh mẽ, quân cách mạng thua, Nguyễn Khắc Nhu tử tử.

Đêm mùng 10 tháng 2, Đoàn Trại Nghĩa (Kí Con) chuyển đánh Hà Nội

Đào Văn Thám chuyển mạt trại Thái Bình chiếm được huyện Phú Định.

Đêm 15 rạng ngày 16 tháng 2, Trại Quang Diệu chuyển mạt trại Hải Định chiếm huyện Vĩnh Bình

Nguyễn Thái Học chuyển đánh trại Phú Lợi.

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Tháng 13, Năm 259, 26 Tháng 2 Năm 259, 2009 13:23

Pháp dùng toàn lực không quân và bộ binh phản công, ném bom tiêu diệt làng Cổ Am nơi có nhiều quân cách mạng. Không phải, nghĩa quân đầu tiên bị tiêu diệt Nguyễn Thái Học bị bắt tại ấp Cổ Việt (Hội Đồng) ngày 20 tháng 2. Ngày 17 tháng 6 năm 1930, Nguyễn Thái Học và 12 nhà cách mạng Việt Nam Quốc Dân Đảng bị Pháp chém tại Yên Bái.

* Cuộc Khởi Nghĩa Lâm Sơn

Trong đời chiến tranh hai (1939-1945) Pháp đầu hàng Đức. Nhật cùng phe với Đức, đánh chiếm Trung Hoa rồi tràn qua biên giới Việt Nam ngày 22-8-1940. Nhân cơ hội đó, Trung Lập và Đoàn Kiên đi mua vũ khí huy động quân Việt Nam Phục Quốc Hội nổi lên đánh quân Pháp ở Lâm Sơn và vùng lân cận.

Nhưng về sau có sự thỏa hiệp giữa Nhật và Pháp, quân phục quốc bị Nhật bắt rồi, nên đã bị Pháp đánh thua. Trung Lập bị bắt, Đoàn Kiên đi tìm trốn.

* Các Đảng Phái, Tổ Chức Chính Trị Khác

Ngoài các tổ chức kháng Pháp kể trên, người Việt còn thành lập nhiều đảng phái, tổ chức chính trị khác để tranh đấu.

- 1923, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long lập đảng Lập Hiến với chủ trương ôn hòa và bảo thủ.
- 1930, Phạm Quỳnh tranh đấu ôn hòa. Kết quả, đảng Pháp mới làm thủ tiêu đảng
- 1925, Lê Văn Huân lập đảng Phục Việt, sau đổi tên là Tân Việt Cách Mạng Đảng. Hoạt động tích cực chống Pháp, bị Pháp và Cộng Sản tiêu diệt.
- 1927, Nguyễn An Ninh tổ chức đảng bí mật Học môn có khuynh hướng Cộng Sản, bị Pháp bắt đày ra Côn Lôn.
- 1932, Thủ Thuần, Trần Văn Thạch lập đảng, theo khuynh hướng Đảng Quốc Tế (Cộng Sản Đẳng Tế) hoạt động ở Sài Gòn.
- 1937, Nguyễn Văn Thịnh thành lập phong trào Dân Chủ Nam Kỳ.
- Lý Đông A thành lập đảng Đệ Nhất Việt Duy Dân, có lý thuyết về quốc gia nhứt thể mĩ mãn hoạt động hiện hành.

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tác Giả: Lịch sử Việt Nam

Thứ Năm, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

- 1940, Nguyễn Văn Tố thành lập Đội Việt Dân Chính, (sau đổi tên là Đội Việt Quốc Xã) đưa vào thành lập của Nhật Bản để chống Pháp, nhưng sau bị Nhật bắt rồi Pháp tay đàn áp, mất số đảng viên bị bắt, Nguyễn Văn Tố sang Tà
- 1941, Trần Hưng Đạo thành lập đảng Đội Việt Quốc Dân. Bị Pháp đàn áp, đảng bị suy sụp.
- 1943-1944, Nguyễn Xuân Chữ, Lê Toàn, Vũ Đình Di lập Việt Nam Ái Quốc Đảng.
- Vũ Đình Hoè, Đảng Cộng Sản Dân Chủ Đảng.
- 1945, Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Văn Ngọc Sơn, Nguyễn Văn Tấn thành lập Đội Việt Quốc Gia Liên Minh (gồm Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đội Việt Quốc Xã và các đảng phái quốc gia khác).

Hầu hết các đảng phái quốc gia không có nguyên lý hành động để lập. Nhật là sinh hoạt chính trị chủ yếu trong tình hình xa rời quần chúng.

Vào thời Việt Pháp chiến tranh, thói thường các nhà cách mạng Việt Nam mới khi bị truy lùng thường trốn sang Trung Hoa, nhưng vùng Hoa Nam giáp giới với các Việt, như Quảng Châu, Nam Ninh, Vân Nam ... Trong thời gian Đội Chiến tranh hai, vùng này có những cơ sở các đảng: Quốc Quốc, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đội Việt Dân Chính, Đội Việt Quốc Dân, Đội Việt Duy Dân v.v. cùng các lãnh tụ có uy tín như: Nguyễn Văn Hối, Trần Hưng Đạo, Lý Đông A ... Lúc đó chính phủ Trung Hoa có ý dung túng những nhà cách mạng Việt Nam vì muốn lôi đảng họ vào việc để chống Pháp và vận động quyên góp ủng hộ Việt Nam. Những cơ sở quyên góp Quốc Đông là Trần Hưng Đạo và Tiêu Văn được lập nên tập hợp các nhà cách mạng Việt Nam vào mặt mặt trận duy nhất.

Tháng 10 năm 1942 họp Hội Liên Việt (Đông Đảng Cộng Sản Đảng không được mời). Đội diện các đảng cách mạng đảng ý cùng gia nhập vào mặt mặt trận gọi là Việt Nam Cách Mệnh Đảng Minh Hội, Nguyễn Văn Hối được cử làm Chủ tịch. Nhưng vì bất đồng ý kiến, không thành lập nên Ban Quốc Trung Đảng.

Tháng 3 năm 1944, Hội Liên Việt hai được tổ chức lập Liên Việt Liên này Hội thảo thu nhập chính phủ Cộng Hoà Việt Nam Lâm Thời Trần Hưng Đạo được cử làm Chủ tịch và các ủy viên gồm có Nguyễn Văn Hối, Vũ Hưng Khanh, Tùng Sơn, Nghiêm Kế Tổ, Bùi Xuân Luật, Hồ Chí Minh. Chủ tịch Trần Hưng Đạo đánh Phát xít Nhật và Thúc dân Pháp để đầu hàng để lập cho Việt Nam.

Chính phủ lâm thời còn đang dùng đảng bàn kế hoạch, chưa quy định hành động thì Hồ Chí Minh đã lôi đảng chiêu bài quốc gia đó để tập trung vào Việt Nam vận động lập chính quyền Trần Hưng Đạo ngày 25 tháng 8 năm 1945.

XXIV. Nhật tranh quyền đô hộ với Pháp ở Việt Nam

Năm 1940, Pháp đưa hàng Đệ nhị, phải nhận Nhật lập căn cứ chung Miền Bắc Việt Nam.

Năm 1945, phe Trục Đệ nhất Nhật Ý yêu cầu, Pháp ngừng chủ quyền đánh đuổi Nhật khỏi Việt Nam.

Ngày 9/3/1945 Nhật với tên công lực Pháp để giành quyền cai trị Việt Nam.

Ngày 11/3/1945 vua Bảo Đại tuyên bố huân hân hoà lập c Việt Pháp 1884, cuộc đô hộ của thực dân Pháp chấm dứt.

Trần Trọng Kim thành lập chính phủ, nhưng mọi quyền hành đưa do Nhật nắm giữ. Nhật và Pháp cùng tác động trong kế hoạch tiêu huân thực phẩm, gây nên đói khổ ngay khi p Việt Nam vào tháng 3 năm 1945. Khoảng 2 triệu người bị chết đói.

Tháng 8 năm 1945, Mỹ thả bom nguyên tử ở Nagasaki và Hiroshima Nhật đưa hàng ngày 15 - 8 - 1945. Nước Việt Nam bị quân t phân đôi, trao quyền cho Anh quân t miền Nam và cho Trung Hoa t miền Bắc.

Từ ngày 1/5, nước Việt bị rơi vào nạn chiến tranh giành giật giữa các thế lực đ quân.

Việt xong t ở Ottawa, Canada
Ngày 26 tháng 2 năm 1982

Tài Liệu Tham Khảo :

Annam chí lược Lê Túc

A description of the kingdom of Tonquin Samuel Baron

Bài tựa "Nguyễn Ngọc Phong Dao" Nguyễn can Mạnh

Cử Cử Việt Nho Kim Đĩnh

Cử Sĩ (tài liệu giảng khoá Đ.H.V.K. Sài Gòn) Trần Kính Hòa

Cử Sĩ (tài liệu giảng khoá Đ.H.V.K. Sài Gòn) Nghiêm Thế M

Chữ Thi Kim Đĩnh

Cà Mâu xưa và An Xuyên nay Nguyễn văn Lộc

Chu dịch Phan Bội Châu

Cử sĩ (tài liệu giảng khoá Đ.H.V.K. Sài Gòn) Saurin

Cử kim chú Thôi Báo

Connaissance du Vietnam P.Huard et M.Durand

Đời Việt thông sử Lê quý Đôn

Đời Nam nhứt thế kỷ Quốc Sĩ Quán

Đời Nam thế kỷ biên Quốc Sĩ Quán

Đời Nam thế kỷ chánh biên Quốc Sĩ Quán

Đời Nam chánh biên lịch truyện Quốc Sĩ Quán

Đời Việt sử ký toàn thư Ngô sĩ Liên

Dịch ngữ sử thu mục Quốc sĩ quán

Điêu Trần Nguyễn Trần ngữ T

Dã sử Xuân phong Hồ đĩnh Ý

Đông kính nghĩa thế Đào trình Nhứt

Dân tộc miền nam tây nguyên Jacques Dourmes

Dân tộc học Cardière

Đệ cử ngữ văn hoá Việt Nam Đệ cử ngữ sử Việt Nam công bố 1943

Đời cử ngữ văn học sử Việt Nam Nguyễn khánh Toàn

Decent Interval Frank Snepp

Dictionarium Annamiticum, Lusitanum et Latinum Alexandre de Rhodes

Đời chiêu tiếng Hán Việt và tiếng Bồ Đào Kinh Phạm văn H

Gia Đĩnh thành thông chí Trần nhai Đĩnh

Góp phần vào sự nghiên cứu mục vụ

thành hoàng Việt Nam, Lý phạm Man Nguyễn văn Huyền

Hán Việt thành ngữ Bồ Câu

Hà thành thế thế chí công quá ca

(Hà thành chính khí ca) Nguyễn văn Giai

Hành thế ca Nguyễn nh

Huân đ

Thánh đ vua Thánh T (Nguyễn)

Đời nghĩa vua Đ c Tông (Nguyễn)

Hu Hán thế Phạm Việt

Histoire ancienne des peuples de

l'Orient classique Maspéro, Gaston

Historic documents of 1975 Elizabeth Wehr

Histoire ancienne des etats Hindouises

d'extreme Orient G. Coedes
La Chine antique Maspero, Henry
Lịch sử văn học Việt Nam
Văn học dân gian Chu xuân Diên
Lịch sử khảo cổ học Việt Nam và
Việt Nam cổ văn học sử Nguyễn đình Chi
Lĩnh Nam Trích Quái Vũ Quỳnh và Kiều Phú
Lịch Sử Minh Trị t Kim Đôn
Lịch Sử Nhật Bản Thích thiển Ân
Le Peuple Vietnamien Levy, Paul
Lịch sử Việt Nam Khoa học xã hội
Hà Nội xuất bản
Le dossier du Pentagone E.W.Kenworthy and Fox Butterfield
L'empire d'Annam Gosselin
Le Vietnam Philippe Devillers
Les Origines du Tonkyn J. Dupuis
Les philosophies de l'Inde H.Zimmer
Miền Đất Nguyễn bích Lyên
Memoire historique sur le Tonkyn Gaubil
Monde en collision ĐVelikovsky
Memoire sur la Cochinchine Benique Vachet

Nhật Bản truyện Ishi Dakzu Yoshi
(Châm vũ Nguyễn văn Tấn: dịch)
Nguyễn Trùng Tông et son temps Đào đăng Vĩ
Nguyễn Trùng Long Hoàng sách tích Truyện văn Tuấn
Nguyễn Trãi toàn tập Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam,
viện sử học, Hà Nội xuất bản
Nguyễn trùng Tông Nguyễn Lâm
Nam sử liệt truyện Lê thúc Thông
Nhân chứng
(tài liệu giảng dạy khoá Đ.H.V.K Sài Gòn) Paris ấn hành (Vernon)
New light on a forgotten past W.G.Solheim II
No exit from Vietnam Sir Robert Thompson
Notice historique sur la Cochinchine Gaubil
Our Vietnam night mare Marguerite Higgins
Phổ Biên Tập Lịch Lê quý Đôn
Pháp chế
(tài liệu giảng dạy khoá Đ.H.V.K. Sài Gòn) Vũ quỳ Thông
Phan Đình Phùng Đào trình Nhật

Qua thực tiễn văn nghệ

kháng chiến Nam bộ Lưu quý K

Reviewing world history AMCO

School publication Inc.

Revolutionary

thought from Marx to Mao Công hòa Nhân dân Trung quố c n hành

Recherches archeologiques en Indochine Đ i h c Harvard

Relation sur le Tonkyn Baldinotti

Relatione della provincia del Giappone Antonio Francisco Cardim

S Lịch c V nh H ng Trung Hoa

Trong Tiếng Việt Phạm văn H i

S ta so v i s Tàu Nguyễn văn T

S ký T mã Thiên

Sociologie d'une guerre Paul Mus

South East Asia Guy Hunter

Th t ch

(tài liệu giảng khoá Đ.H.V.K.Sàigòn) B u C m

Tr c Th i B c Thu c

Ng i Việt Đã Có Ch Việt Ch Ph m văn H i

T T ng Đông Tây Khải Lu n Nguyễn n phút T n

T Đ i n Ch Nôm Nguyễn n Quang X và

Vũ Văn Kính

T Đ i n Việt Hán B c Kinh xu t b n

T nh B n Tre Nguyễn n Duy Oanh

Trung k dân bi n thì m t ký Phan Chu Trinh

Tây phù nh t ký Phạm Phú Th

T phán Phan B i Châu

Tân An ngày x a Đào văn H i

Thanh Hoá quan phong V ng duy Trinh

T c ng phong dao Nguyễn n văn Ng c

The birth of Vietnam Taylor, Keith Weller Berkeley: University of California press

T t ng và h c thu t L ng Kh i Siêu

Trung quố c dân t c h c V ng đ ng Lynch

Trung quố c thông s Chu c c Thành

The Influence of T'ang Poetry
on Vietnamese Poetry Written

in Nôm Characters and in the

Quố c Ng writing system Phạm văn H i

Thông Chí Tr nh Ti u

The ancient history of China to the end

of the Chou Dynasty Địch hịch Columbia Newyork
The two Viet Nams Bernard.B.Fall
The last Confucian Denis Warner
The irony of Vietnam:
the system worked Leslie H.Gelb with Richard K.Betts
Texte et commentaire du miroir
comple de l'histoire du Viet M.Durand
Việt Nam Sử Luận của Trần Trọng Kim
Việt Nam phong cảnh Nguyễn Văn Mãi
Việt Nam phong cảnh Phan Kế Bính
Việt Nam văn học sử
giáo trình của tân biên Phạm Thế Ngũ
Việt Nam Pháp thuộc của Phan Khoang
Việt Nam văn minh của Lê Văn Siêu
Việt Nam văn học sử (1802 1945) Phạm Văn Hối và
Phạm quân Khanh
Việt ký ức Campuchia Lê Hồng ng
Việt Nam văn học toàn thâu Hoàng Trọng Miên
Việt Nam từ quốc túy ngôn Nguyễn Huệ Tín và
Nguyễn Trọng Thuật
Việt Địch nhân linh tập Lý Tử Xuyên
Việt sử Thông giám cương mục Lý Tử Xuyên
Việt sử toàn thâu Phạm Văn Sơn
Việt lý từ nguyên Kim Đôn nh
Việt Nam Phật giáo của T.T.Một Th
Việt Nam văn học sử yêu Dục quố quố Hàm
Việt Nam văn hóa sử cương Đào Duy Anh
Việt Nam máu lửa Nghiêm Kế T
Vân đài loạ ngữ Lê quý Đôn
Vietnamese architecture Nguyen quang Nhac
Nguyen nang Dac
Vietnamese tradiction
on trial, 1920 1945 Marr.David.G.
Berkeley: University of California press
Viet Nam Marvin E.Gettleman
Viet Nam witness Bernard B.Fall
Vietnam diary Richard Tregaskýs
Vietnam, history of Encyclopaedia Britannica
William Benton, Publisher 1943 73) (Helen H.Benton, Publisher 1973 74)
Vietnam Encyclopedia of the third world (by: George Thomas Kurian)
Xã hội hịch Bửu Lịch

- 1927, Nguyễn An Ninh từ chức công bố mọt Hóc môn có khuynh hướng Cộng Sản, báo Pháp
bút đợy ra Côn Lôn.

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tác Giả: Lịch sử Việt Nam

Thứ Năm, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

- 1932, Tô Thu Thâu, Trần Văn Thúc lập đảng, theo khuyến khích của Đảng Tộc Quốc Tộc (Công Sản Đảng Tộc) hoạt động ở Sài Gòn.
- 1937, Nguyễn Văn Thỉnh thành lập phong trào Dân Chủ ở Nam kỳ.
- Lý Đông A thành lập đảng Đệ Nhất Việt Duy Dân, có lý thuyết về quốc gia độc lập dân tộc hoạt động ở miền bắc.
- 1940, Nguyễn Văn Tam thành lập Đệ Nhất Việt Dân Chính, (sau đổi tên là Đệ Nhất Việt Quốc Xã) đưa vào thành lập của Nhật Bản để chống Pháp, nhưng sau bị Nhật bắt ở Pháp thành tay đàn áp, mất số đảng viên bị bắt, Nguyễn Văn Tam trốn sang Tàu.
- 1941, Trần Văn Anh thành lập đảng Đệ Nhất Việt Quốc Dân. Bị Pháp đàn áp, đảng bị suy sụp.
- 1943-1944, Nguyễn Xuân Chi, Lê Toàn, Vũ Đình Di lập Việt Nam Ái Quốc Đảng.
- Vũ Đình Hoè, Đảng Đệ Nhất Dân Chủ Đảng.
- 1945, Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Văn Tiểu thành lập Đệ Nhất Việt Quốc Gia Lyên Minh (gồm Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đệ Nhất Việt Quốc Xã và các đảng phái quốc gia khác).

Hầu hết các đảng phái quốc gia không có nguyên lý hành động độc lập. Nhật là sinh hoạt chính trị chủ yếu trong tình hình xa rời quần chúng.

Vào thời Việt Pháp chiến tranh, thói quen của các nhà cách mạng Việt Nam mới khi bị truy lùng thường trốn sang Trung Hoa, nên vùng núi vùng Hoa Nam giáp giới với miền Bắc Việt, như Quảng Châu, Nam Ninh, Vân Nam ... Trong thời gian Đệ Nhất Chiến tranh, vùng này có nhiều cơ sở các đảng: Quốc Quốc, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đệ Nhất Việt Dân Chính, Đệ Nhất Việt Quốc Dân, Đệ Nhất Việt Duy Dân v.v. cùng các lãnh tụ có uy tín như: Nguyễn Hữu Thọ, Trần Văn Bội Công, Lý Đông A ... Lúc đó chính phủ Trung Hoa có ý dung túng những nhà cách mạng Việt Nam vì muốn lợi dụng họ vào việc đối phó với Pháp và vấn đề quyên góp cho Việt Nam. Những cơ sở quyên góp Quốc gia Đông là Trần Văn Phát Khuê và Tiêu Văn Địch là những người giúp các nhà cách mạng Việt Nam vào miền bắc.

Tháng 10 năm 1942 lập hội ở Lyâu Châu (Đông Đảng Công Sản Đảng không được công nhận). Đệ Nhất các đảng cách mạng đồng ý cùng gia nhập vào mặt mặt trận gọi là Việt Nam Cách Mạng Đảng Minh Hội, Nguyễn Hữu Thọ được cử làm Chủ tịch. Nhưng vì bất đồng ý kiến, không thành lập nên Ban Quốc Trung Đảng.

Tháng 3 năm 1944, hội hội ở hai đầu của thị trấn ở Liâu Châu. Lần này hội hội thu nhập lập chính phủ Công Hoà Việt Nam Lâm Thời Trần Văn Bội Công được cử làm Chủ tịch và các ủy viên gồm có Nguyễn Hữu Thọ, Vũ Hồng Khanh, Tùng Sơn, Nghiêm Kế Tổ, Bùi Xuân Luật, Hồ Chí Minh. Chủ tịch đánh phát xít Nhật và Thúc dân Pháp để đầu hàng để lập cho Việt Nam.

Lịch Sử Việt Nam và các Vua Chúa Nhà Nguyễn

Tài liệu: Lịch sử Việt Nam

Thư mục, 26 Tháng 2 Năm 2009 13:23

Chính phủ lâm thời còn đang dùng bàn phím, chưa quyết định hành động thì Hồ Chí Minh đã lên tiếng chiêu bài quốc gia độc lập cho Việt Nam và nền độc lập chính quyền Trần Trọng Kim ngày 25 tháng 8 năm 1945.